**CHƯƠNG I. VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ**

**Người soạn: Hoàng Thị Hà**

**Bài 1**

**LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG**

(… tiết)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm lịch sử.

- Vai trò của môn Lịch sử trong cuộc sống.

***2. Về năng lực:***

- Nêu được khái niệm lịch sử và môn lịch sử.

- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.

- Lí giải được vì sao cần học lịch sử.

***3. Về phẩm chất:***

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV** đặt câu hỏi, HS trả lời.  **HS** quan sát ngữ liệu và trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:** - HS chỉ nêu được ý nghĩa của hai câu thơ của Hồ Chí Minh.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV trình chiếu 2 câu thơ của Hồ Chủ Tịch  *Dân ta phải biết sử ta*  *Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam*  ? Em hãy cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích nội dung 2 câu thơ và trả lời câu hỏi.  **HS** đọc ngữ liệu, và trả lời câu hỏi của GV.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS đứng lên trả lời  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Lịch sử và môn lịch sử là gì?** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được khái niêm lịch sử và bộ môn lịch sử.  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  - Sự kiện khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) là sự kiện lịch sử, vì sự kiện này đã xảy ra trong quá khứ và là mộc mốc lịch sử quan trọng của dân tộc.  - Từ đó rút ra được khái niệm lịch sử và môn lịch sử.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV trình chiếu hình ảnh lễ hội của đền Hai Bà Trưng và đặt câu hỏi:  ? Sự kiện khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) có phải là lịch sử không? Vì sao?  ? Lịch sử và môn Lịch sử là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | | - *Lịch sử* là tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.  - *Môn lịch sử* là môn học tìm hiểu về lịch sử loài người và những hoạt động chính của con người trong quá khứ. |
|  | | |
| **2. Vì sao cần phải học lịch sử?** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  ? Em sinh ra trong một dòng họ, em có muốn biết về gia phả (cội nguồn) của dòng họ mình không? Em làm thế nào để biết điều đó ?  ? Từ đó em hãy cho biết học lịch sử để làm gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | - Học lịch để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước, hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay.  - Học lịch sử giúp chúng ta hiểu được những gì nhân loại tạo ra trong quá khứ để xây dựng được xã hội văn minh ngày nay, từ đó hình thành ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp do con người tạo ra trong quá khứ để lại. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên sâu (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4…  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1**: Tìm hiểu về tư liệu hiện vật.  **Nhóm 2**: Tìm hiểu về tư liệu chữ viết.  **Nhóm 3**: Tìm hiểu về tư liệu truyền miệng.  **Nhóm 4**: Tìm hiểu về tư liệu gốc.  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III… mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Nêu vai trò của các nguồn tư liệu trong việc tìm hiểu lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (7 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập. | **1. Tư liệu hiện vật**  - Là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ lại.  VD:    Ngói úp ở Hoàng Thành    Đồ đồng  **2. Tư liệu chữ viết**  - Là những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, chữ được khắc trên bia đá…  **VD**:  - Các cuốn sách viết về lịch sử.    - Bia khắc chữ:    **3. Tư liệu truyền miệng**  - Là những câu chuyện dân gian: truyền thuyết, thần thoại, cổ tích… được kể từ đời này sang đời khác.  **VD**: Truyền thuyết Hồ gươm    - Truyền thuyết Thánh Gióng    **4. Tư liệu gốc**  - Là những tư liệu cung cấp thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử đó. Đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử. |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Trình bày khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. Căn cứ vào đâu để biết và dựng lại lịch sử.

Bài tập 2: Học lịch sử có ý nghĩa như thế nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Quan sát hình 1.12 và cho biết:

- Đây là loại sử liệu gì?

- 3 thông tin mà em tìm hiểu được



**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Bài 2**

**THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ**

(… tiết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:*** Một số khái niệm về thời gian trong việc học lịch sử (thế kỉ, thập kỉ, thiên niên kỉ, trước công nguyên, sau công nguyên, công nguyên…).

***2. Về năng lực:***

- Biết cách tính thời gian trong lịch sử.

- Hiểu được vì sao phải tính thời gian trong lịch sử.

***3. Về phẩm chất:***

- Trung thực trong tìm hiểu, học tập lịch sử.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV** trình chiếu video, đặt câu hỏi.  **HS** quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu hình ảnh về sự kiện năm 1010 và hỏi:    ? Căn cứ vào thông tin nào trên hình ảnh để biết sự kiện này có trong lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát hình ảnh và trả lời.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trả lời câu hỏi.  - Các em còn lại theo dõi bạn trả lời và nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV và theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Vì sao phải xác định thời gian?** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS hiểu được vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Quan sát bảng thống kê và cho biết căn cứ vào những thông tin nào để sắp xếp các sự kiện trong quá khứ theo thứ tự thời gian?  ? Từ đó em hãy cho biết vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  - Quan sát bảng thống kê để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | |  |  | | --- | --- | | **Thời gian** | **Sự kiện** | | Năm 248 | Khởi nghĩa Bà Triệu | | Năm 938 | Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng | | Năm 1009 | Nhà Lý thành lập | | Năm 1288 | Chiến thắng quân Nguyên trên sông Bạch Đằng. |   🡪 Các sự kiện được sắpx xếp theo trình tự trước, sau.  - *Lịch sử* loài người gồm nhiều sự kiện xảy ra vào những thời gian khác nhau. Muốn dựng lại lịch sử , phải sắp xếp tất cả các sự kiện trong quá khứ theo thứ tự thời gian | |
|  | | |
| **2. Cách tính thời gian trong lịch sử như thế nào?** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  ? Hãy cho biết cách tính thời gian trong lịch sử ?  ? Từ đó em hãy lấy một ví dụ để tính thời gian trong lịch sử?    ? Nhìn vào tờ lịch em hãy cho biết ngày dương và ngày âm?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | | - Người xưa đã làm ra lịch:  + Âm lịch: được tính theo chu kì chuyển động của mặt trăng quay quanh trái đất.  + Dương lịch: được tính theo chu kì chuyển động của trái đất quay quanh mặt trời (còn gọi là công lịch).  *Chúa Giê Su ra đời*  TCN **1** SCN    (+) CN ( - )  {thập kỉ: 10 năm; thế kỉ (100 năm), thiên niên kỉ (1000 năm)}.  - Ở Việt Nam, Công lịch được dùng trong các cơ quan nhà nước, tuy nhiên âm lịch vẫn được dùng cho văn hoá và tâm linh, bởi vậy trên tờ lịch đều ghi rõ 2 ÂL và DL. |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Muốn biết năm 2000 TCN cách ta bao nhiêu năm thì em tính như thế nào?

2021 + 2000 = 4021 năm

Bài tập 2: Muốn biết năm 1230 SCN cách 2021 bao nhiêu năm thì ta tính thế nào?

2021 – 1230 = 791 năm

🡪 Muốn biết năm TCN cách hiện tại thì làm phép cộng, muốn biết SCN cách hiện tại ta làm phép trừ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Em hãy tìm hiểu năm xây dựng của công trình trình kiến trúc ở nơi em đang sinh sống hoặc một di chỉ lịch sử mà em biết và tính niên đại của nó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Người soạn: Trần Quỳnh Nga**

Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# **CHƯƠNG 2: THỜI NGUYÊN THỦY**

# **BÀI 3: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

# ***(2 tiết)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Thông qua bài học, HS nắm được:

* Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái đất.
* Xác định được những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.
* Kể tên được những địa điể tìm thấy dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.

**2. Năng lực**

* **Năng lực chung:**
* Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
* Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.
* **Năng lực riêng:**
* Tìm hiểu lịch sử qua việc khai thác tư liệu, hình ảnh, lược đồ,...liên quan đến bài học.
* Nhận thức lịch sử qua việc giải thích nguồn gốc loài người trên thế giới, ở Đông Nam Á cũng như ở Việt Nam.

**3. Phẩm chất**

* Giáo dục phẩm chất chăm chỉ trong học tập, lao động.
* Giáo dục phẩm chất tôn trọng lao động và tinh thần sáng tạo, có trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGV, SGK Lịch sử và Địa lí 6.
* Tranh ảnh, lược đồ, tư liệu về nguồn gốc của loài người trên thế giới, ở Đông Nam Á và Việt Nam.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SGK Lịch sử và Địa lí 6.
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV kể tóm tắt cho HS nghe về truyền thuyết Con rồng cháu tiên và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Tất cả chúng ta có chung nguồn gốc không?*

Truyền thuyết Con rồng cháu tiên: Xưa, ở miền đất Lạc Việt có một vị thần thuộc nòi Rồng, tên là Lạc Long Quân. Trong một lần lên cạn giúp dân diệt trừ yêu quái, Lạc Long Quân đã gặp và kết duyên cùng nàng Âu Cơ vốn thuộc dòng họ Thần Nông, sống ở vùng núi cao phương Bắc. Sau đó Âu Cơ có mang và đẻ ra cái bọc một trăm trứng. Sau đó, bọc trứng nở ra một trăm người con. Vì Lạc Long Quân không quen sống trên cạn nên hai người đã chia nhau người lên rừng, kẻ xuống biển, mỗi người mang năm mươi người con. Người con trưởng theo Âu Cơ, được lên lên làm vua, xưng là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Khi vua cha chết thì truyền ngôi cho con trưởng, từ đó về sau, cứ cha truyền con nối đến mười tám đời, đều lấy hiệu là Hùng Vương.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:* Tất cả chúng ta cùng chung một nguồn gốc.

*- GV dẫn dắt vấn đề:* Theo truyền thuyết từ xa xưa, tất cả chúng ta đều cùng chung một nguồn gốc, đều là con rồng cháu tiên. Tuy nhiên, xét về mặt khoa học lịch sử, Đã bao giờ em đặt câu hỏi loài người xuất hiện như thế nào? Đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi này là vấn đề khoa học không bao giờ cũ. Nhiêu nhà khoa học chấp nhận giả thiết con người xuất liện đâu tiên ở châu Phi. Bắt đâu từ những bộ xương hoá thạch tìm thấy ở đây, các nhà khoa học đã dẫn khám phá bí ẩn về sự xuất liện của loài người. Để tìm hiểu rõ hơn về những vấn đề này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay - Bài 3: Nguồn gốc loài người.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Quá trình tiến hóa từ vượn thành người**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hóa từ vượn người thành người trên Trái đất.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: Con người đã trải qua quá trình tiến hoá hàng triệu năm. Những dấu tích xương hoá thạch cổ xưa nhất được tìm thấy ở nhiều nơi trên thế giới như Đông Phi, Đông Nam Á, Đông Bắc Á,..  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.1 SGK trang 12 và trả lời câu hỏi: Cho biết quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái đất diễn ra như thế nào? Nêu đặc điểm tiến hóa về cấu tạo cơ thể của vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_6.png  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_8.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_7.png- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục Góc khám phá, quan sát Hình 3.2, 3.3 SGK trang 14 và trả lời câu hỏi: Những phát hiện khảo cổ về người Nê-an-đéc-tan, Cô gái Lu-cy có ý nghĩa như thế nào trong việc giải thích nguồn gốc và quá trình tiến hóa của loài người?  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi : Phần lớn người châu Phi có làn da đen, người châu Á có làn da vàng, còn người châu Âu có làn da trắng, liệu họ có chung một nguồn gốc hay không?  - GV mở rộng kiến thức: Có nhiều quan niệm khác nhau về nguồn gốc loài người. Có những quan niệm mang tính khoa học, có những quan niệm mang tính tôn giáo, truyền thuyết (ví dụ quan niệm của nhà khoa học Đác-uyn, quan niệm của Đạo thiên chúa, câu chuyện về con Rồng cháu Tiên của người Việt).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người**  **-** Quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái đất diễn ra qua ba giai đoạn:  + Cách đây khoảng từ 5-6 triệu năm, ở chặng đầu của quá trình tiến hoá, có một loài vượn khá giống người đã xuất hiện, được gọi là Vượn người.  + Trải qua quá trình tiến hoá, khoảng 4 triệu năm trước, một nhánh Vượn người đã tiến hóa thành Người tối cổ.  + Người tối cổ trải qua quá trình tiến hóa, vào khoảng 150.000 năm trước, Người tinh khôn xuất hiện, đánh dấu quá trình chuyển biến từ vượn người thành người đã hoàn thành.  - Điểm tiến hóa về cấu tạo cơ thể của vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn:  **+ Vượn người**: Di chuyển bằng hai chi sau, thể tích hộp sọ trung bình 400 cm3  **+ Người tối cổ**: Hoàn toàn đi đứng bằng hai chân, thể tích hộp sọ trung bình 650 cm3 đến 1200 cm3.  **+ Người tinh khôn**: Hình dáng, cấu tạo cơ thể cơ bản giống người ngày nay, còn được gọi là Người hiện đại. Thể tích hộp sọ trung bình khoảng 1400 cm3.  **-** Những phát hiện khảo cổ về người Nê-an-đéc-tan, Cô gái Lu-cy có ý nghĩa trong việc giải thích nguồn gốc và quá trình tiến hóa của loài người:  **+ Người Nê-an-đéc-tan**: chứng minh đây là hóa thạch của người nguyên thủy có niên đại khoảng 100.000 năm trước.  **+ Cô gái Lu-cy**: bộ xương hóa thạch của người phụ nữ có niên đại khoảng 3,2 triệu năm trước, thuộc Đông Phi.  **-** Châu Phi là nơi con người xuất hiện sớm nhất, di cư qua các châu lục, môi trường sống khác nhau, cơ thể biến đổi thích nghi với môi trường. Tuy nhiên họ vẫn chung một nguồn gốc. |

**Hoạt động 2: Dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS xác định được những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: Cuối thế kỉ XIX, trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a), các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một số mẩu xương hoá thạch của Người tối cổ có niên đại khoảng 2 triệu năm trước và đặt tên là “Người Gia-va”. Bên cạnh đó, ở nhiều nơi khác trong khu vực Đông Nam Á, nhiều di cốt hoá thạch, di chỉ đồ đá gắn với giai đoạn Người tối cổ cũng được tìm thấy.  - GV yêu cầu HS quan sát Bảng các dấu tích Người tối cổ ở Đông Nam Á SGK trang 14 và trả lời câu hỏi: Hãy cho biết những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_10.png  - GV mở rộng kiến thức: Đông Nam Á có điều kiện tự nhiên thuận lợi, có nhiều sông suối, đất đai phì nhiêu, màu mỡ, khí hậu nóng ẩm. Vì vậy, khu vực này rất thuận lợi cho việc trồng trọt (nông nghiệp trồng lúa), chăn nuôi, đánh bắt. Vượn người vì thế đã xuất hiện ở đây từ rất sớm và cũng bước tiến hóa thành Người tối cổ, Người tinh khôn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **2. Dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á**  **-** Những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á: đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a); Pôn-a-ung (Mi-an-ma), Sa-ra-wak (Ma-lai-xi-a); Gia Lai, Đồng Nai, Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Việt Nam),... |

**Hoạt động 3: Dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS xác định được những dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: Tại Việt Nam, những dấu tích của Người tối cổ được phát hiện có niên đại sớm nhất từ khoảng 800.000 năm trước.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_11.png- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, quan sát Lược đồ Hình 3.4 và trả lời câu hỏi:  + Nêu một số dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam.  + Nhận xét về phạm vi phân bố của các dấu tích Người tối cổ ở Việt Nam.  - GV giới thiệu kiến thức:  + Ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Son), trong lớp đất chứa nhiều than, xương động vật cổ cách đây khoảng 40 - 30 vạn năm, giới khảo cô học phái hiện được những chiếc răng của Người tối cổ. Tại Núi Đọ (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai),... các nhà khảo cổ học phát hiện được nhiều công cụ đá ghè đẽo thô sơ dùng để chặt, đập; nhiều mảnh đá ghè mỏng ở nhiều chỗ. Trải qua hàng chục vạn năm lao động, Người tối cổ đã mở rộng địa bàn sinh sống ra nhiều nơi như: Thẩm Ồm (Nghệ An), hang Hùm (Yên Bái), Thung Lang (Ninh Bình), Kéo Lèng (Lạng Sơn),...  + Cách ngày nay khoảng 3 -2 vạn năm, Người tối cổ ở Việt Nam tiến hoá thành Người tinh khôn. Dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy ở mái đá Ngườm (Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ) và nhiều nơi khác thuộc Lai Châu, Sơn La, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An,... Công cụ chủ yếu của họ là những chiếc rìu bằng hòn cuội, được ghè đẽo thô sơ, có hình thù rõ ràng.  + Di tích Núi Đọ (Thanh Hoá) là bằng chứng về sự có mặt của những chủ nhân sớm nhất trên lãnh thổ Việt Nam vào thời kì tổ chức xã hội loài người đang hình thành. Tại Núi Đọ, người ta đã tìm thấy hàng vạn công cụ đồ đá cũ. Người nguyên thuỷ khai thác đá gốc (ba-dan) ở sườn núi, ghè đẽo thô sơ, tạo nên những công cụ chặt, rìu tay, nạo, ... bỏ lại nơi chế tác những mảnh đá vỡ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc SGK, thảo luận và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **3.Dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam**  **-** Một số dấu tích của Người tối cổ ở Việt Nam: Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), Núi Đọ (Thanh Hóa), An Khê (Gia Lai), Xuân Lộc (Đồng Nai).  - Nhận xét về phạm vi phân bố của các dấu tích Người tối cổ ở Việt Nam: xuất hiện ở cả miền núi và đồng bằng trên lãnh thổ của Việt Nam ngày nay. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết .

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SGK trang 16.*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Căn cứ vào những thông tin khảo cổ để khẳng định rằng khu vực Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam) là một trong những nơi con người xuất hiện từ rất sớm:

- Đông Nam Á: cuối thế kỉ XIX, trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a), các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một số mẩu xương hoá thạch của Người tối cổ có niên đại khoảng 2 triệu năm trước và đặt tên là “Người Gia-va”. Bên cạnh đó, ở nhiều nơi khác trong khu vực Đông Nam Á, nhiều di cốt hoá thạch, di chỉ đồ đá gắn với giai đoạn Người tối cổ cũng được tìm thấy.

- Việt Nam: những dấu tích của Người tối cổ được phát hiện có niên đại sớm nhất từ khoảng 800.000 năm trước.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 16.*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Lấy chủ đề về những chiếc rìu đá đầu tiên của nhân loại (hình 3.5 và hình 3.6), phát biểu cảm nghĩ của em về óc sáng tạo, tinh thần lao động cần mẫn, kiên trì của Người tối cổ: Người tối cổ đã kiên trì ghè, đẽo một mặt mảnh đá để làm công cụ lao động sản xuất của mình.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. Kế hoạch đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS,  HS đánh giá HS) | - Vấn đáp.  - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành. | - Các loại câu hỏi vấn đáp. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Người soạn: Bùi Thị Thu

**BÀI 4: XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ**

(… tiết)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.

- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.

- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy.

- Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực tư duy sáng tạo.

- Năng lực tự tìm hiểu tìm hiểu lịch sử.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

***3. Về phẩm chất:***

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.  **HS** nhận mảnh ghép, làm việc nhóm để hoàn chỉnh một bức hình  **c) Sản phẩm:** - HS hoàn chỉnh bức bích hoạ, giới thiệu về bức bích hoạ là minh chứng cho đời sống tinh thần của người nguyên thuỷ.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Mỗi nhóm nhận 4 mảnh ghép và ghép thành bức hoạ hoàn chỉnh.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS có 1 phút quan sát kĩ 4 mảnh ghép và ghép thành bức hoạ hoàn chỉnh.Và ghi nhanh ý nghĩa của bức hoạ vào bảng nhóm (Giấy 4)  **B3: *Báo cáo thảo luận***  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  ***B4: Kết luận, nhận định.***  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Tổ chức xã hội nguyên thuỷ.** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.  **b) Nội dung**:  Hs: Quan sát sơ đồ mô phỏng tổ chức xã hội của người nguyên thuỷ ( H 4.2) đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác sơ đồ ( H 4.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  Người tối cổ  Người tinh khôn  Bộ lạc  Thị tộc  Bầy đàn  - Nhiều thị tộc cư trú trên cùng địa bàn  - Đứng đầu là Tù trưởng  - Vài chục gia đình có quan hệ huyết thống.  - Đứng đầu là Tộc trưởng  - 5-7 hộ gia đình lớn  - Có sự phân công lao động giữa nam và nữ    **Hình 4.2. S**ơ đồ mô phỏng tổ chức xã hội của người nguyên thuỷ  **c) Sản phẩm**:  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  NV1. Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn nào?  Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn: Từ bầy đàn chuyển lên thị tộc, bộ lạc.  NV2. Mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thuỷ? So với mối quan hệ của con người trong xã hội hiện đại?  Mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thuỷ:  + Giai đoạn bầy đàn đó là mối quan hệ giản đơn 5-7 gia đình lớn.  + Giai đoạn thị tộc là quan hệ huyết thống.  + Giai đoạn bộ lạc là mối quan hệ cộng đồng.  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Dựa vào hình 4.2 và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy cho biết:  ? Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thu thập thông tin.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu đại diện học sinh trình bày – tương tác với các bạn khác.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **Nhiệm vụ 2:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Quan sát hình 4.2 và ngữ liệu SGK, hãy cho biết mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thuỷ là như thé nào? Có gì giống và khác với quan hệ của con người trong xã hội hiện đại?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo | | | - *Người nguyên thuỷ đã tổ chức xã hội của mình từ bầy đàn chuyển lên thị tộc, bộ lạc*.  - Mối quan hệ của con người trong xã hội nguyên thuỷ:  + Giai đoạn bầy đàn đó là mối quan hệ giản đơn 5-7 gia đình lớn.  + Giai đoạn thị tộc là quan hệ huyết thống.  + Giai đoạn thị tộc là mối quan hệ cộng đồng |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Đời sống của người nguyên thuỷ** | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy.  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.  - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.  **b) Nội dung**:  Hs: Quan sát tranh ảnh về đời sống vật chất, đời sống tinh thần của người tối cổ, người tinh khôn và người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận và KT đặt câu hỏi để hỏi.  - Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.        **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đời sống của người nguyên thuỷ | | | | Đời sống vật chất | Đời sống tinh thần | Đời sống của người nguyên thuỷ ở Việt Nam | | - Công cụ lao động: biết dùng lửa, tạo ra lửa, rìu đá, lưỡi cuốc, đồ đựng bằng gốm…  - Cách thức lao động: Trồng trọt, chăn nuôi…  - Địa bàn cư trú: Ở ven sông suối. | - Đời sống tinh thần phong phú.  + Tâm linh: họ quan niệm mọi vật đều có tâm linh, sùng bái “vật tổ”; chôn người chết.  + Nghệ thuật: biết làm, dùng đồ trang sức…  Biết sử dụng nhạc cụ… | \*Đời sống vật chất:  - Công cụ lao động bằng đá, và nhiều công cụ, vật dụng mới…  Cách thức lao động: trồng trọt, chăn nuôi…  - Địa bàn cư trú: ổn định, mở rộng.  \*Đời sống tinh thần: phong phú, độc đáo: Khắc trên vách hang động… |   **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên sâu (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 3 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3…  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1**: Tìm hiểu về đời sống vật chất của người nguyên thuỷ.  **Nhóm 2**: Tìm hiểu về đời sống tinh thần của người nguyên thuỷ  **Nhóm 3**: Tìm hiểu về đời sống của người nguyên thuỷ ở Việt Nam.  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III… mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của con người thời nguyên thủy?  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập. | | **1. Đời sống vật chất của người nguyên thuỷ.**  - Công cụ lao động: biết dùng lửa, tạo ra lửa, rìu đá, lưỡi cuốc, đồ đựng bằng gốm…  - Cách thức lao động: Trồng trọt, chăn nuôi…  - Địa bàn cư trú: Ở ven sông suối.  C:\Users\Administrator\Downloads\n3_28.png  **2. Đời sống tinh thần của người nguyên thuỷ.**  - Đời sống tinh thần phong phú.  + Tâm linh: họ quan niệm mọi vwtj đều cods tâm linh, sùng bái “vật tổ”,; chôn người chết.  + Nghệ thuật: biết làm, dùng đồ trang sức…Biết sử dụng nhạc cụ…  C:\Users\Administrator\Downloads\tải xuống.jpg  **3. Đời sống của người nguyên thuỷ ở Việt Nam**  \*Đời sống vật chất:  - Công cụ lao động bằn đá, và nhiều công cụ, vật dụng mới…  Cách thức lao động: trồng trọt, chăn nuôi…  - Địa bàn cư trú: ổn định, mở rộng.  \*Đời sống tinh thần: phong phú, độc đáo: Khắc trên vách hang động…  C:\Users\Administrator\Downloads\m13_4.png | |
| **HĐ 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.  Bài tập 1: Vẽ sơ đồ tư duy về đời sống người nguyên thủy?  Bài tập 2: Trình bày đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy ở Việt Nam  **Gợi ý trả lời**  Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy ở Việt Nam   * Đời sống vật chất:   Người nguyên thủy đã có những bước tiến trong chế tạo công cụ đá và sáng tạo thêm nhiều công cụ, vật dụng mới.  Họ biết trồng trọt và chăn nuôi gia sức, quần tụ thành thị tộc, bộ lạc.   * Đời sống tinh thần:   Biết làm đồ trang sức bằng vỏ ốc, vỏ điệp.  Biết viết lên vách những hình mô tả cuộc sống.  **d) Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập 1: Vẽ sơ đồ tư duy về đời sống người nguyên thủy?  Bài tập 2: Trình bày đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy ở Việt Nam  ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập  - GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.  **HĐ 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS phát biểu cảm nhận về vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay).  **Gợi ý trả lời**  **Lao động có vai trò rất quan trọng** đối với sự phát triển của người nguyên thủy. Từ rìu đá, con người đã biết chế tác thành lưỡi cuốc và đồ dùng bằng gốm để phục vụ sản xuất và sinh hoạt dễ dàng hơn. Từ việc chỉ biết săn bắt, con người dần dần biết cách chăn nuôi và trồng trọt.  => Từ đó giúp con người tự tạo ra được lương thực, thức ăn cần thiết để đảm bảo cuộc sống của mình.  **Phát biểu cảm nghĩ**: Theo em, lao động giúp con người tạo ra sản phẩm vật chất, tỉnh thân nuôi sống bản thân, gia đình, góp phân xây đựng xã hội phát triển. Nó giúp con người làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống của chính mình, nó đem đến cho con người niềm vui, tìm thấy được ý nghĩa thực sự của cuộc sống. Quan trọng hơn hết, lao động chính là phương tiện để mỗi người khẳng định được vị trí và sự có mặt của mình trong cuộc sống...  Do đó, mỗi người cân thấy được lao động là vinh quang, là quyền và nghĩa vụ thiêng liêng của bản thân, từ đó phải biết lao động tự giác, sáng tạo không ngừng, cải tiễn nâng cao năng suất lao động. Biết quý trọng giá trị đích thực của lao động, khi đó thi sự có mặt của bạn trong xã hội này mới thật sự ý nghĩa.  **d) Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  **Bài tập:**  Qua các hình từ 4.3 đến 4.8, hãy nêu vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy. Từ đó, phát biểu cảm nhận của em về vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.  **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*** | | | |

Người soạn: Phạm Thi Ngân

**Bài 5**

**CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI CUỐI THỜI NGUYÊN THỦY**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

- Xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

***2. Về năng lực:***

- Trình bày được quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Giải thích được vì sao sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Mô tả và giải thích được sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

***3. Về phẩm chất:***

- Từ việc thấy được sự cải tiến không ngừng của con người trong quá trình chế tác công cụ lao động, HS luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả học tập tốt nhất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên

* Một số tranh ảnh về cách con người sử dụng kim loại trong cuộc sống.
* Lược đồ treo tường *Di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam (*H4,tr22*)*
* Một số hình ảnh công cụ bằng đồng, sắt của người nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam, mẩu chuyện *người băng Ốt – di.*

1. Học sinh

* Học sinh tìm hiểu về các đồ dùng kim loại được sử dụng trong cuộc sống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Dự kiến**

Tiết 1

Mục 1. Sự phát hiện ra kim loại và chuyển biến về kinh tế cuối thời nguyên thủy

Mục 2. Chuyển biến về xã hội cuối thời nguyên thủy

Tiết 2

Mục 3. Việt Nam cuối thời nguyên thủy

**HĐ 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS kết nối bài mới, xác định nội dung của bài học.  **b) Nội dung:** HS theo dõi video *Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có kim loại theo link sau:*  *https://www.youtube.com/watch?v=PORwh0k3V7o*  sau đó viết tiếp câu.  **c) Sản phẩm:** HS nêu được những giả thuyết nếu không có kim loại.  Gợi ý  Nếu không có kim loại thì con người quay về thời kì đồ đá.  Nếu không có kim loại thì không có nhà để ở.  Nếu không có kim loại thì không có xe để đi.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS trả lời câu hỏi:  *Trong vòng 1 phút em hãy viết tiếp câu nói sau: “Nếu không có kim loại thì…”*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS viết tiếp.  **B3: Thực hiện nhiệm vụ**  Gv mời ngẫu nhiên 1 – 3 HS chia sẻ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** Như vậy nếu không có kim loại xuất hiện thì con người vẫn ở thời kì đồ đá. Khi kim loại xuất hiện đời sống con người có nhiều thay đổi từ gia đình tới xã hội. Trong bài học hôm nay các em sẽ tìm hiểu về sự xuất hiện của kim loại và tác động của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1 Sự phát hiện ra kim loại và chuyển biến về kinh tế cuối thời nguyên thủy**

**Chuyển biến về xã hội cuối thời nguyên thủy**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Trình bày được quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Giải thích được vì sao sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

- Mô tả và giải thích được sự hình thành xã hội có giai cấp.

- Sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

**b) Nội dung**:

-HS quan sát H5.1 – H5.5 kết hợp đọc toàn bộ thông tin mục I, II SGK, thảo luận cặp đôi để hoàn thiện phiếu học tập trong 8 phút.

**c) Sản phẩm**: Phiếu học tập

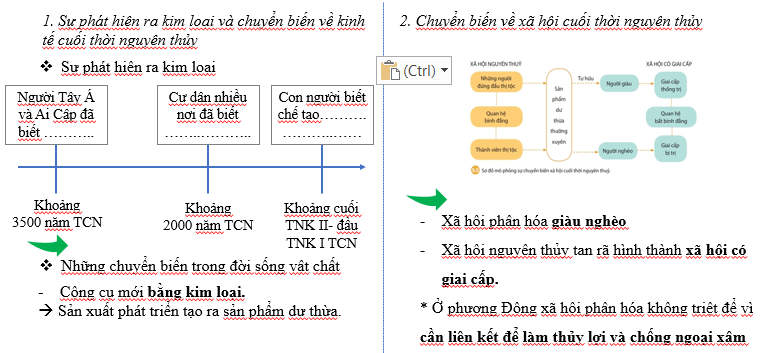
**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- HS Làm việc cá nhân 3 phút, ghi kết quả ra giấy note.

- Thảo luận cặp đôi 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập .

PHIẾU HỌC TẬP

****

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân trên giấy note trong thời gian 3 phút

HS chia sẻ cặp đôi trong thời gian 5 phút, kết quả trên phiếu học tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

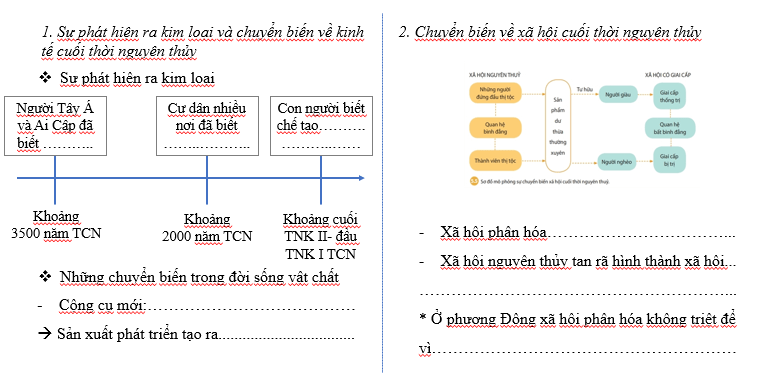
**HS:**

- Đại diện 1 cặp đôi lên bày sản phẩm.

- Các cặp khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả, hướng dẫn HS ghi chép.



GV mở rộng thêm về câu chuyện người băng Ốt – di hoặc gợi mở để học sinh nhận thấy sự không ngừng sáng tạo của con người trong quá trình lao động và sản xuất.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang nội dung Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.

**2. 2. Việt Nam cuối thời nguyên thủy**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)

**b) Nội dung**:

-HS quan sát H5.6 – H5.8kết hợp đọc thông tin mục 3 SGK, để để trả lời câu hỏi.

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**c) Sản phẩm**: câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS quan sát H5.6 – H5.7kết hợp đọc thông tin mục III SGK, để để trả lời câu hỏi.  1.Thời đại đồ đồng ở Việt Nam bắt đầu từ khi nào? ở đâu?  2.Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại đã có những tác động như thế nào đối với đời sống kinh tế, xã hội?  (gợi ý trên các lĩnh vực: địạ bàn cư trú, nơi tập trung dân cư, sự phát triển của nghề nông, phân hóa xã hội)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Theo dõi thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** mời 3 – 5 HS trả lời nhanh từng câu hỏi (kĩ thuật tia chớp)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | a. Sự xuất hiện kim loại  -Thời gian xuất hiện: khoảng 4000 năm trước.  - Địa điểm: Địa bàn trên khắp cả nước.  b.Sự phân hóa và tan rã của xã hội nguyên thủy  -Địa bàn cư trú mở rộng  -Nghề nông phát triển.  -Tập trung dân cư ở ven các con sông lớn.  -Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.  🡪 Là cơ sở cho sự xuất hiện các quốc gia sơ kì đầu tiên ở Việt Nam. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Nêu những chuyển biến về kinh tế, xã hội vào cuối thời nguyên thủy. Chuyển biến nào quan trọng nhất? Vì sao?

Bài tập 2: Khái quát những nét cơ bản về kinh tế, xã hội Việt Nam cuối thời nguyên thủy.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** HS khai thác hình ảnh, tư liệu và liên hệ trong cuộc sống để hoàn thành nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 3: Kể tên một vật dụng bằng kim loại hiện nay mà em biết. Từ đó, phát biểu ý nghĩa của việc phát hiện ra kim loại vào cuối thời nguyên thủy.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI**

**Bài 6. AI CẬP VÀ LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI**

**(…tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.

- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.

- Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà.

**2. Năng lực**

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

**3. Phẩm chất**

Trân trọng những di sản của nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Lược đồ Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1. Mở đầu – xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề của bài học.

**b. Nội dung:** Quan sát bảng thông tin dưới đây

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình ảnh** | **Từ ngữ** | **Kết quả** |
| **a/** D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).png | **1/** Vườn treo Ba-bi-lon |  |
| **b/**D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).png | **2/** Chữ viết của người Ai Cập |  |
| **c/C:\Users\Administrator.MAYTINH-FBKMM3Q\Desktop\DỰ ÁN GIÁO ÁN SỬ 6\hình sách\Screenshot_2021-07-12-20-08-17-67.jpg** | **3/** Kim tự Tháp |  |
| **d/** D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).png | **4/** Chữ viết của người Lưỡng Hà |  |

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của nhóm Hs

a+2; b+4; c+1; d+3

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Quan sát và nối hình ảnh ở cột A với từ ngữ ở cột B sao cho phù hợp

***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS có 1 phút quan sát kĩ 4 bức tranh, ghép tranh với cụm từ phù hợp và ghi nhanh kết quả vào bảng nhóm (Giấy 4)

**B3: *Báo cáo thảo luận***

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

***B4: Kết luận, nhận định.***

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà** | |
| **a. Mục tiêu:** Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh (hình 6.2), lược đồ (hình 6.1), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 6.2), lược đồ (hình 6.1), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (38).png D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (38).png  Hình 6.1.Lược đồ Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại Hình 6.2. Một người Ai Cập đang săn bắt chim ở khu vực  đồng bằng sông Nin (tranh trên tường trong lăng mộ Nê-ba-mun)  **c. Sản phẩm:**  **\*Dự kiến sản phẩm của học sinh**  NV1.Điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | Liệt kê những điều đã biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Ai Cập | Lưỡng Hà | | Vị trí | Nằm ở Đông Bắc châu Phi | Nằm ở khu vực Tây Nam Á | | Đất đai | Đất phù sa màu mỡ | Đất phù sa màu mỡ | | Sông ngòi | Sông Nin | Sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát | |  |  |   NV2. Tác động của ĐKTN đối với sự hình thành văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà  Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà  + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm 🡪 nền văn minh hình thành cả khi chưa có đồ sắt.  +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.  +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất.  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào lược đồ 6.1 và kiến thức đã tìm hiểu được, em hãy hoàn thiện cột “K” và cột “W” để thể hiện những điều đã biết và muốn biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | Liệt kê những điều đã biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Ai Cập | Lưỡng Hà | | Vị trí |  |  | | Đất đai |  |  | | Sông ngòi |  |  | |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Ghi những điều đã biết vào cột “K” và những điều muốn biết vào cột “W”  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  1. Quan sát hình 6.2 và ngữ liệu SGK, hãy cho biết những “tặng phẩm” mà sông Nin đem lại cho Ai Cập?  2. Quan sát lược đồ 6.1 và đọc ngữ liệu SGK, cho biết điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến sự hình thành các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin  Trình bày ý kiến cá nhân vào phiếu học tập dưới sự hướng dẫn của Gv  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo | -Ai Cập và Lưỡng Hà nằm ở lưu vực các con sông lớn (sông Nin, Ơ-phơ-rát, Ti-gơ-rơ)  - Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà  + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm 🡪 nền văn minh hình thành cả khi chưa có đồ sắt.  +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.  +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà** | |
| **a. Mục tiêu:** Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (38).png  Hình 6.3. Mặt nạ bằng vàng của Pa-ra-ông Tu-lan-kha-môn  (trị vì Ai Cập khoảng cuối thiên niên kỉ II TCN)  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa vào tranh ảnh và thông tin trong SGK hãy: *Nêu quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | -Khoảng năm 3200 TCN, nhà nước Ai Cập đầu tiên được hình thành, đứng đầu là Pha-ra-ông có quyền lực tối cao.  -Cuối thiên niên kỉ IV TCN, nhà nước đầu tiên của Lưỡng Hà ra đời ở hạ lưu sông Ti-grơ và Ơ-phrát; đứng đầu nhà nước là En-xi. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Những Thành tựu văn hóa chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà** | |
| **a. Mục tiêu:** Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà.  **b. Nội dung:**  Hs: Quan sát tranh ảnh về thành tựu văn hóa Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  GV: Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh về thành tựu văn hóa Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại, đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).png  Hình 6.5.Bảng đá khắc hình thần Sa-mát  (thần Mặt Trời) ở Lưỡng Hà  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (40).png  **c. Sản phẩm:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Ai Cập cổ đại** | | **Lưỡng Hà cổ đại** | | | **Thành tựu VH** | **Ảnh minh họa** | **Thành tựu VH** | **Ảnh minh họa** | | Chữ viết | Chữ tượng hình viết trên giấy Pa-py-rút | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).png | Chữ hình nêm viết trên đất sét | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).png | | Toán học | Hệ đếm thập phân, chữ số từ 1 đến 9  Tính diện tích | Văn minh thế giới: Toán Ai Cập cổ đại | Hệ đếm 60 | Toán học Lưỡng Hà cổ đại - Trầm Tâm Linh | | Kiến trúc – Điêu khắc | Kim Tự Tháp | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).png | Vườn treo Ba-bi-lon | **C:\Users\Administrator.MAYTINH-FBKMM3Q\Desktop\DỰ ÁN GIÁO ÁN SỬ 6\hình sách\Screenshot_2021-07-12-20-08-17-67.jpg** | | Thiên văn học | Lịch  Đồng hồ Mặt Trời |  |  |  | | Y học | Thuật ướp xác | D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (39).png |  |  |   **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  Dựa tranh ảnh thành tựu văn hóa Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại và thông tin trong SGK hãy hoàn thiện bảng thống kê theo mẫu  Nhóm 1,3:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Ai Cập cổ đại** | | | **Thành tựu VH** | **Ảnh minh họa** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   Nhóm 2,4   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Lưỡng Hà cổ đại** | | | **Thành tựu VH** | **Ảnh minh họa** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn ***B4: Kết luận, nhận định***  Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn  GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức. | Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật có giá trị, đóng góp đối với nền văn minh nhân loại như: chữ viết, toán học, thiên văn học, y học, kiến trúc – điêu khắc,… |

**HĐ3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu biết về nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại

**b. Nội dung**

-Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập trắc nghiệm

-Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau

**Câu 1.** Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực con sông nào?

A. Sông Ấn. B. Sông Hằng. C. Sông Nin. D. Sông Nhị.

**Câu 2.** Người đứng đầu nhà nước ở Lưỡng Hà cổ đại là ai?

A. Pha-ra-ông. B. Thiên tử. C. En-xi. D. Địa chủ.

**Câu 3.** Tại sao nhà nước Ai Cập cổ đại sớm hình thành và phát triển ở lưu vực sông Nin?

A. Đây là địa bàn cư trù của người nguyên thủy.

B. Cư dân ở đây sớm phát minh ra công cụ bằng kim loại.

C. Do có điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động cuôn bán.

D. Do có điều kiện thuận lợi để con người sinh sống và sản xuất.

**Câu 4.** Việc nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại hình thành ở lưu vực các con sông gây ra khó khăn gì cho cư dân ở đây?A. Sự chia cắt về mặt lãnh thổ. B. Tình trạng hạn hán kéo dài.

C. Sự tranh chấp lãnh thổ xả ra. D. Tình trạng lũ lụt xả ra vào mùa mưa.

**Câu 5.** Thành tựu nào sau đây của người Ai Cập cổ đại còn sử dụng đến ngày nay?

A. Chữ tượng hình. B. Hệ đếm thập phân.

C. Hệ đếm 60. D. Thuật ướp xác.

**c. Sản phẩm**

*\*Dự kiến sản phẩm*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Đáp án** | C | C | D | D | B |

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau đây (Chọn câu trả lời đúng nhất)

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Hs giơ tay nhanh nhất để trả lời câu hỏi

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Câu trả lời của HS

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

**HĐ4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng bài toán theo cách viết của người Ai Cập cổ đại, liên hệ thực tế về sự ảnh hưởng của những phát minh của người Ai Cập- Lưỡng Hà đến ngày nay.

**b. Nội dung:**

Tìm tòi, mở rộng kiến thức về sự ảnh hưởng của văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại đến ngày nay.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

***Câu hỏi:*** Dựa vào kiến thức vừa học, hãy viết một bài giới thiệu về một thành tựu văn hóa của cư dân Ai Cập hoặc cư dân Lưỡng Hà mà em ấn tượng nhất?

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  
**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn  
**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo

**Bài 7. ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

**(… tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.

- Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.

- Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ.

**2. Năng lực**

- Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

**3. Phẩm chất**

Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Phiếu học tập.

- Lược đồ Ấn Độ cổ đại, lược đồ Ấn Độ ngày nay.

- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Tranh ảnh, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề của bài học.

**b. Nội dung:** Xem phim về lễ hội KUMBH MÊLA (Lễ hội sông Hằng)



*? Lễ hội trên của nước nào? Được tổ chức ở đâu*

*? Theo em vì sao Lễ hội tôn giáo này thu hút đông đảo người dân tham gia*

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài mới

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Theo dõi đoạn phim và trả lời các câu hỏi sau

*1. Lễ hội trên của nước nào?*

*2. Được tổ chức ở đâu?*

*3. Theo em vì sao Lễ hội tôn giáo này thu hút đông đảo người dân tham gia*

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích nội dung đoạn phim và trả lời câu hỏi.

**HS:** Quan sát, phân tích nội dung và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Điều kiện tự nhiên ở lưu vực sông Ấn và sông Hằng** | |
| **a. Mục tiêu:** Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.  **b. Nội dung:**  **HS:** Quan sát lược đồ (hình 7.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  **GV:** Hướng dẫn học sinh khai thác lược đồ (hình 7.2), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (41).png  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh dưới sự định hướng của GV   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Đặc điểm** | | Vị trí địa lí | Là bán đảo Nam Á, nằm trên trục đường biển từ tây sang Đông. | | Địa hình | -Phía Bắc bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ - dãy Hi-ma-lay-a.  -Ở giữa: Đồng bằng Ấn – Hằng rộng lớn.  -Phía Nam: Cao nguyên Đê-can nhiều núi đá hiểm trở. | | Khí hậu | -Đại bộ phận có khí hậu nhiệt đới gió mùa.  -Khí hậu phân hóa theo độ cao, ảnh hưởng bởi địa hình. | | Sông ngòi | Có nhiều sông lớn: Sông Ấn, sông Hằng,… |   **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Quan sát *hình 7.2. Lược đồ Ấn Độ cổ đại* và đọc nội dung trong SGK, em hãy:  1. Xác định trên lược đồ vị trí địa lí của Ấn Độ cổ đại?  2.Hoàn thành bảng thống kê điều kiện tự nhiên của Ấn Độ theo mẫu  3.Điều kiện tự nhiên đó ảnh hưởng thế nào đến sự hình thành văn minh Ấn Độ   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Đặc điểm** | | Vị trí địa lí |  | | Địa hình |  | | Khí hậu |  | | Sông ngòi |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời (nhóm – KT phòng tranh)  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo. | **-Vị trí địa lí:** Là bán đảo Nam Á, nằm trên trục đường biển từ tây sang Đông.  **- Địa hình:**  + Phía Bắc bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ - dãy Hi-ma-lay-a.  + Ở giữa: Đồng bằng Ấn – Hằng rộng lớn.  + Phía Nam: Cao nguyên Đê-can nhiều núi đá hiểm trở.  **-Khí hậu:**  + Đại bộ phận có khí hậu nhiệt đới gió mùa.  + Khí hậu phân hóa theo độ cao, ảnh hưởng bởi địa hình.  **-Sông ngòi:** Có nhiều sông lớn như sông Ấn, sông Hằng,…bồi đắp phù sa màu mỡ.  **🡪Ảnh hưởng đến sự hình thành nền văn minh Ấn Độ** |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Chế độ xã hội ở Ấn Độ** | |
| **a. Mục tiêu:** Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.  **b. Nội dung:**  **HS:** Quan sát tranh ảnh (hình 7.3), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  **GV:** Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 7.3), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (41).png  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh dưới sự định hướng của GV  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Quan sát *hình 7.3.Sơ đồ chế độ đẳng cấp Vac-na* và ngữ liệu trong SGK em hãy nêu những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn độ cổ đại.  1. Chế độ đẳng cấp Vac-na là gì?  2. Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp như thế nào?  3. Em có nhận xét như thế nào về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vac-na?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  - Quan sát sơ đồ hình 7.3, ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần tiếp theo | -Khoảng năm 2500 TCN, người Đra-vi-a cư trú ở miền nam Ấn Độ - chủ nhân của nền văn minh cổ xưa nhất Ấn Độ.  -Giữa thiên niên kỉ II TCN, người A-ri-a xâm nhập, mở ra thời kì xã hội có giai cấp và nhà nước. Chế độ đẳng cấp Vac-na gồm 4 đẳng cấp. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ** | |
| **a. Mục tiêu:** Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ.  **b. Nội dung:**  **HS:** Quan sát tranh ảnh (hình 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  **GV:** Hướng dẫn học sinh khai thác tranh ảnh (hình 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8), đọc tài liệu (kênh chữ SGK) để trả lời câu hỏi và lĩnh hội kiến thức mới.  D:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (41).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (42).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (42).pngD:\Hồ sơ cá nhân\2021 - 2022\DỰ ÁN KHBD LỚP 6\CANH DIEU\CD\Screenshot (42).png  **c. Sản phẩm:**  Câu trả lời đúng của học sinh  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Quan sát hình ảnh và ngữ liệu trong SGK em hãy hoàn thành nhiệm vụ sau:  1. Kể tên các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại?  2. Em ấn tượng với di sản nào của nền văn minh Ấn Độ nhất? Vì sao?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời (nhóm- KT khăn phủ bàn)  **HS:**  - Quan sát tranh ảnh (hình 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8), ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang hoạt động luyện tập | -Chữ viết: chữ Phạn.  -Văn học: sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na.  -Tôn giáo ra đời nhiều tôn giáo lớn như đạo Bà La Môn, đạo Phật.  -Kiến trúc: tiêu biểu là cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi.  -Lịch pháp: làm ra lịch.  -Toán học: hệ số có 10 chữ số, đặc biệt là giá trị của số 0 |

**HĐ3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hiểu biết về nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

**b. Nội dung:**

Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

-Dựa vào kiến thức vừa tiếp thu được để hoàn thành bài tập trắc nghiệm

-Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau

**Câu 1.** Hai con sông gắn liền với sự hình thành nền văn minh Ấn Độ cổ đại?

**A. Sông Ấn – Hằng.** B. Sông Ti-gơ-rơ và Ơ-phơ-rát.

C. Sông Trường Giang – Hoàng Hà. D. Sông Ơ-phơ-rát và Trường Giang.

**Câu 2.** Ở Ấn Độ, những thành thị đầu tiên xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

A. 1000 năm TCN. B. 1500 năm TCN.

C. 2000 năm TCN. **D. 2500 năm TCN.**

**Câu 3.** Văn hóa Ấn Độ được truyền bá và có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng nhất ở

A. Việt Nam. B. Trung Quốc.

C. các nước Ả Rập. **D. các nước Đông Nam Á.**

**Câu 4.** Chữ viết riêng của người Ấn Độ cổ đại là

A. chữ tượng hình. B. chữ hình nêm.

**C. chữ Phạn.** D. chữ Hin-đu.

**Câu 5.** Nối những ý ở cột A với những ý ở cột B sao cho phù hợp?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** | **Kết quả** |
| A. Bra-man | 1. Vương công – vũ sĩ. | A+… |
| B. Ksa-tri-a | 2. Người bình dân. | B+… |
| C. Su-đra | 3. Người có địa vị thấp kém. | C+… |
| D. Vai-si-a | 4. Tăng lữ - quý tộc. | D+… |

**c. Sản phẩm**

*\*Dự kiến sản phẩm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | | |
| **Đáp án** | A | D | D | C | A+4 | B+1 | C+3 | D+2 |

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành các bài tập trắc nghiệm sau đây (Chọn câu trả lời đúng nhất)

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Hs giơ tay nhanh nhất để trả lời câu hỏi

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Câu trả lời của HS

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

**HĐ4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Tìm tòi, mở rộng sự hiểu biết về ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ cổ đại đến Việt Nam

**b. Nội dung:**

-Vận dụng kiến thức đã học mở rộng sự hiểu biết về nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

-Liên hệ thực tế Việt Nam

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm học tập của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

***Câu hỏi:*** Dựa vào kiến thức thực tế và bài học, em hãy tìm và kể tên những di tích lịch sử - văn hóa của Việt Nam chịu ảnh hưởng từ nền văn minh Ấn Độ cổ đại?

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV  
**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn  
**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:

Ngày giảng:

**BÀI 9**

**TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại.

- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.

- Xây dựng được trục thời gian từ thời Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.

- Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng :**

• Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử:

- Biết khai thác và sử dụng được các sơ đồ, lược đồ, nguồn tư liệu hình ảnh, chữ viết trong bài học.

• Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

- Trình bày được những điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.

- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.

- Xây dựng được trục thời gian từ thời Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.

- Nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

• Phát triển năng lực vận dụng:

- Kĩ năng trình bày và giải thích chủ kiến về vai trò của nhà Tần; tư tưởng “Tiên học lễ, hậu học văn”

- Vận dụng hiểu biết để làm rõ vai trò của phát minh kĩ thuật làm giấy đối với xã hội hiện đại.

**3. Phẩm chất**

• Có thái độ khách quan trong nhìn nhận các nhân vật và sự kiện lịch sử

• Có ý thức tôn trọng và học hỏi cái hay, cái đẹp trong văn háo của các dân tộc khác.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chiếu 1 số hình ảnh và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? *Các hình ảnh trên đây gợi cho chúng ta nhớ tới đất nước nào?*

|  |  |
| --- | --- |
| *Tần Thủy Hoàng – Wikipedia tiếng Việt* | *Đội quân đất nung và 4 điều kinh ngạc về lăng mộ Tần Thủy Hoàng | Tạp chí  Kinh tế và Dự báo* |
| *Giáp Cốt Văn một lần nữa &quot;làm rung động&quot; thế giới - Đài phát thanh quốc tế  Trung Quốc* | Trung Quốc có bao nhiêu dân tộc? đặc trưng của dân tộc Trung Quốc là gì? -  Thuốc quý hiệu nghiệm dễ tìm trong dân gian |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi theo ý kiến cá nhân.

- Sau khi HS trả lời, GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới.

*Vậy Trung Quốc được hình thành từ bao giờ, như thế nào, đạt các thành tựu văn hóa nổi bật gì? Cô trò ta cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc**

**a. Mục tiêu:** Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm làm việc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **KIẾN THƯC CƠ BẢN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc trong sgk.  - GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 8.1:  ? *Theo em, diện tích lãnh thổ Trung Quốc thời cổ đại có điểm gì khác so với Trung Quốc ngày nay?*  *? Nhà nước Trung Quốc cổ đại ra đời có giống Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ hay không? Vì sao?*  - Quan sát hình 8.2 và trả lời câu hỏi:  ? *Theo em, sông Hoàng Hà đã tác động tích cực và tiêu cực như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ, trả lời  - khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.  **+ Gv mở rộng:**  Sông “Hoàng Hà” còn gọi là gọi là sông Vàng vì sông này mang theo lượng phù sa khổng lồ nên lòng sông luôn có màu Vàng . Dân Trung Quốc có câu “một bát nước sông Hoàng Hà, nửa bát là phù sa”; trung bình 1m3 nước sông Hoàng Hà chứa 34 gam phù sa (sông Nin là 1g/1m3 phù sa, sông Colorado 13g/1m3 phù sa).   * *Trung Quốc cổ đại ra đời sớm từ TNK III.TCN*   + Tại sao lại nói “*Hoàng Hà vừa là niềm kiêu hãnh vừa là nỗi buồn của nhân dân Trung Quốc”.* ( nói được điểm tích cực: nước nhiều và bồi đắp phù sa khổng lồ; tiêu cực: phù sa khổng lồ gây ra hiện tượng bồi lắn phù sa, thay đổi dòng chảy gây ra hiện tượng vỡ đê, lũ lụt thường xuyên diễn ra. Trong hơn 2.500 năm, sông Hoàng Hà đã bị vỡ đê tới 1.600 lần, tính tới thời điểm tháng 9.2019. Trong suốt thời gian đó, sông Hoàng Hà cũng đã có 26 lần chuyển dòng chảy lớn ở vùng hạ lưu. Do lũ lụt nhiều nên vô hình chung bồi đắp lượng phù sa lớn, tạo điều kiện cho sự hình thành nền nông nghiệp và là cái nôi của nền văn minh Trung Quốc). | **1. Điều kiện tự nhiên**  - Thời cổ đại, Trung Quốc nhỏ hơn ngày nay.  - Những nhà nước cổ đại đầu tiên ra đời ở lưu vực sông Hoàng Hà; tiếp đó là ở hạ lưu sông Trường Giang. |

**Hoạt động 2: Quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng**

**a. Mục tiêu:** Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **KIẾN THƯC CƠ BẢN** |
| GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 2 trong sgk.  **Hoạt động cá nhân**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs quan sát hình 8.3 và trả lời câu hỏi:  *? Vẽ sơ đồ các mốc thời gian chủ yếu trong tiến trình Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung quốc?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  **Hoạt động nhóm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs thảo luận nhóm hoàn thiện phiếu bài tập (theo kĩ thuật 5W1H)  *Phiếu học tập*  *Tiếu quốc nào đã thống nhất TQ:……..*  *Nhân vật nào đã thống nhất TQ:……*  *TQ thống nhất vào năm nào :…………*  *Tần Thủy Hoàng đã thi hành những chính sách nào sau thống nhất TQ:…..*  *Tại sao Tần Thủy Hoàng lại thống nhất được TQ:………………………….*  *Đánh giá vai trò của nhà Tần với lịch sử TQ:…………………………………*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  **Gv mở rộng**  *- Tần có tiềm lực đất nước mạnh từ sau cải cách Thương Ưởng thời Tần Hiếu Công (359 – 338 TCN), thực hiện chính sách ngoại giao “bẻ đũa từng chiếc” – tức là lợi dụng các tiểu quốc này mâu thuẫn lẫn nhau để thôn tính dần từng tiểu quốc của Tần Doanh Chính*  *- Hoàng đế sau khi thống nhất đất nước, nhấn mạnh thống nhất lãnh thổ đặt nền móng cho ông hoàn thành thống nhất toàn diện Trung Quốc*  *+ thống nhất quân sự – chấm dứt chiến tranh, thống nhất và mở rộng lãnh thổ*  *+ thống nhất chính trị - xác lập nhà nước quân chủ chuyên chế (phong kiến)*  *+ thống nhất tiền tệ– tiện cho lưu thông và trao đổi hàng hoá*  *+ thống nhất chữ viết– tạo điều kiện cho tiếp xúc giữa các vùng miền và giao lưu văn hoá.*  **Hoạt động cá nhân**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu hs trả lời câu hỏi:  *? Xã hội Trung Quốc cổ đại ban đầu gồm các giai cấp nào ?*  *+ Đến thời Tần thống nhất Trung Quốc, xã hội Trung Quốc đã xuất hiện giai cấp mới nào ?*  *+ Các giai cấp mới đó được hình thành từ các giai cấp nào của xã hội cổ đại ?*  *+ Quan hệ giữa các giai cấp mới dựa trên cơ sở nào ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả  - HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến dưới thời Tần Thủy Hoàng**  - Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng đã thống nhất lãnh thổ, tự xưng hoàng đế, lập ra triều đại phong kiến đầu tiên ở Trung Quốc.  - Nhà Tần tiến hành thống nhất mọi mặt nhằm đặt nền tảng cho sự phát triển lâu dài của Trung Quốc về sau.  - Năm 206 TCN, nhà Tần bị lật đổ, nhà Hán được thành lập.  - Xã hội phong kiến Trung Quốc gồm hai giai cấp: địa chủ và nông dân lĩnh canh; địa chủ bóc lột nông dân lĩnh canh bằng địa tô. |

**Hoạt động 3: Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tùy**

**a. Mục tiêu:** Biết được sự thay đổi các triều đại ở Trung Quốc từ thời Hán đến thời Tùy (206 TCN-thế kỷ VII).

**b. Nội dung:** Đọc thông tin SGK, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **KIẾN THƯC CƠ BẢN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 3 trong sgk.  - GV yêu cầu HS dựa vào sơ đô hình 8.6 thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập sau:  *Phiếu học tập*  *1. Thời kì này gắn liền với mấy triều đại ? Là những triều đại nào?*  *2. Triều đại nào tồn tại lâu nhất? Triều đại nào tồn tại ngắn nhất?*  *3. Triều đại nào tái thống nhất đất nước và đặt cơ sở để TQ bước vào tời kỳ đỉnh cao của chế độ phong kiến?*  *4.Thời kỳ này nước ta bị triều đại nào đô hộ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **3. Trung Quốc từ nhà Hán đến nhà Tùy**  Hs học theo sơ đồ sgk hoặc bảng sau   |  |  | | --- | --- | | **Triều đại** | **Thời gian** | | Nhà Hán | 206 TCN-220 | | Thời Tam Quốc | 220-280 | | Nhà Tấn | 280-420 | | thời Nam-Bắc triều | 420-581 | | Nhà Tùy | 581-619 | |

**Hoạt động4: Một số thành tựu của văn minh Trung Quốc**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **KIẾN THƯC CƠ BẢN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin mục 4 trong sgk.  - GV yêu cầu hs thảo luận hoàn thiện phiếu học tập sau:  *Phiếu học tập*   |  |  | | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Thành tựu** | | Tư tưởng |  | | Chữ viết |  | | Văn học |  | | Tư tưởng |  | | Sử học |  | | Y học |  | | KH-KT |  | | Kiến trúc |  |   ? *Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của người Trung Quốc cổ đại? Tại sao?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình.  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **4. Một số thành tựu của văn minh Trung Quốc**   |  |  | | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Thành tựu** | | *Tư tưởng* | Nho gia, Pháp gia, Đạo gia, Mặc gia | | *Chữ viết* | Chữ tượng hình (chữ giáp cốt) | | *Văn học* | *Kinh Thi* của Khổng Tử và *Sở Từ* của Khuất Nguyên. | | *Sử học* | *Sử kí* của Tư Mã Thiên, *Tam quốc chí* của Trần Thọ | | *Y học* | Dùng cây cỏ tự nhiên chữa bệnh (thuốc Nam) | | *Lịch pháp* | phát minh ra *âm lịch* và *nông lịch*. | | *Khoa học-kĩ thuật* | Trương Hoành phát minh ra *địa động nghi*; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kĩ thuật in). | | *Kiến trúc* | Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lí trường thành...) | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoạt động cặp trả lời các câu hỏi 1,2 trong sgk trang 41

**-** HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra câu trả lời:

- GV theo dõi, hỗ trợ

- GV gọi 1,2 cặp đôi trình bày; các cặp đôi khác bổ sung, nhận xét.

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS về nhà:

*? Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu một thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.*

**-** HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành, trình bày với giáo viên vào tiết học sau.

- GV nhận xét, đánh giá giờ dạy và dặn dò HS chuẩn bị bài học cho giờ học tiếp theo.

BÀI 9: HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

1. **MỤC TIÊU**

**GV giúp HS được các yêu cầu sau:**

**1. Về kiến thức**

* Giới thiệu và nhận xét được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, nền văn minh của Hy Lạp và La Mã.
* Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã.
* Nêu được một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã.

**2. Năng lực**

- Tự học, tự chủ thông qua việc học sinh sưu tầm tư liệu, hình ảnh…về Hy Lạp và La mã cổ đại.

- Giải quyết vấn đề sáng tạo thông qua việc giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm.

- Tìm hiểu lịch sử qua việc khai thác các hình ảnh, lược đồ, tư liệu lịch sử.

- Nhận thức lịch sử qua việc sử dụng tư liệu, hình ảnh, để giải thích sự hình thành và phát triển của Hy Lạp và La Mã cổ đại**.**

**3. Phẩm chất**

* Giáo dục phẩm chất chăm chỉ trong học tập, lao động.
* Có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy thành tựu văn hóa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGV, SGK Lịch sử và Địa lí 6.
* Tranh ảnh, lược đồ, tư liệu về nguồn gốc của loài người trên thế giới, ở Đông Nam Á và Việt Nam.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SGK Lịch sử và Địa lí 6.
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tình huống học tập, kết nối tri thức HS đã có với kiến thức bài mới, tạo hứng thú cho học sinh.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV có thể dựa vào dẫn nhập để khởi động như sau:

****GV chiếu cho các em xem các hình ảnh



Nhìn các hình ảnh trên em liên tưởng đến nước nào? Ngày nay nó thuộc quốc gia nào? Từ những hình ảnh trên, em hãy chia sẽ những hiểu biết của mình về quốc gia đó ?

Sau khi HS trả lời Gv dẫn dắt vào bài mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Điều kiện tự nhiên**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: : GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  GV có thể cho HS hoạt động theo cặp, thời gian 2 phútquan sát các lược đồ hình 9.1, 9.2, chỉ ra và đọc thông tin trong SGK, trả lời các câu hỏi:  GV: *Xác định vị trí địa lí của Hy Lạp và La Mã cổ đại.*  Quan sát lược đồ, hãy cho biết vị trí địa lý của Hy Lạp cổ đại có điểm gì  nổi bật? câu hỏi 1756386 - hoidap247.com  *Hình 9.1: Lược đồ Hy Lạp cổ đại*  GV: *Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự hình thành các nền văn minh Hy Lạp và La Mã ?*  GV gọi đại diện HS các cặp trả lời câu hỏi: *Đoạn tư liệu trên cho em biết điều gì về hoạt động kinh tế của Hy Lạp và La Mã trên lược đồ, các cặp khác nhận xét và bổ sung?*  *Gợi ý trả lời; GV mở rộng kiến thức* bằng việc phân tích rõ điều kiện tự nhiên của Hy Lạp, từ đó xác định rõ những thuận lợi và khó khăn do điều kiện tự nhiên mang lại. Những nghành kinh tế mang tính chủ đạo ở Hy Lạp và La Mã thủ công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp trông cây lâu năm, lúa mì...  **Bước 2**: **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - GV cho HS quan sát hình 4. *Lược đồ đế*  *quốc La Mã thế kỉ II*  GIỚI TRẺ BẢO NHAM: tháng sáu 2013  *Hình 9.2: Lược đồ La Mã cổ đại* | 1. **Điều kiện tự nhiên** 2. **Hy Lạp cổ đại**   - Vị trí địa lý:Lãnh thổrộng, bao gổm miền lục địa Hy Lạp (vùng nam bán đảo Ban-căng), miền đất ven bờ Tiểu Á và các đảo trên biển Ê-giê.  - Điều kiện tự nhiên  + Địa hình: chủ yếu là đổi núi, ít đồng bằng  + Đất đai khô cằn, thuận lợi cho trổng nho, ô liu.  - Khoáng sản: nhiều như:như đồng, sắt, vàng,  - Có nhiều vịnh, hải cảng thuận lợi cho sự đi lại và trú ẩn của tàu thuyền.  Thuyền buôn Hy Lạp, hình vẽ trên đĩa gốm, thế kỉ VITCN.  **b) La Mã cổ đại**  - Vị trí địa lý: được hình thành trên bán đảo I-ta-li-a (ở Nam Âu) sau được mở rộng ra trên phần lãnh thổ của cả ba châu lục Âu, Á, Phi.  - Điều kiện tự nhiên  + Đường bờ biển phía nam có nhiều vịnh, hải cảng.  + Đất đai được mở rộng, có nhiều đồng bằng và đống cỏ rộng lớn nên trồng trọt và chăn nuôi có điều kiện phát triển.  + Khoáng sản: Có nhiều như: đồng, chì, sắt... nên nghề luyện kim phát triển. |

**HOẠT ĐỘNG 2. Tổ chức nhà nước thành bang**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được nhà nước thành bang ở Hy Lạp.

**b. Nội dung:** GV sử dụng tư liệu hình ảnh, kênh chữ SGK, vấn đáp hướng dẫn HS

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  GV cung cấp thêm khái niệm “nhà nước thành bang” là những nhà nước nhỏ, có một thành thị là trung tâm, xung quanh là vùng đất trồng trọt.  + GV cho HS thảo luận theo nhóm 5-6 HS  (Thời gian 4 phút).  ?: *Trình bày tổ chức nhà nước thành bang ở Hi Lạp*.  ?: *Hãy kể tên các tầng lớp xã hội trong thành bang A-ten.*  *GV cho HS xem Hình 9.3 và đọc dữ liệu trong SGK (tr 44)*  Văn minh phương Tây: Bình minh Hy Lạp | Nghiên Cứu Lịch Sử  Hình 9.3: Nhà nước thành bang A-ten.  + *GV có thể dẫn dắt*: Từ thế kỉ VIII đến thế kỉ VI TCN, ở Hy Lạp đã lần lượt ra đời. Trong đó, hai thành bang tiêu biểu nhất là Xpacta và Aten. Đây là nhà nước chiếm hữu nô lệ.  GV gợi ý: GV phân tích rõ tính chất nền dân chủ cổ đại của Hy Lạp. Nền dân chủ được thể hiện rõ qua việc các công dân thành bang A-ten có những quyền nào. Đó chính là nền dân chủ sơ khai  GV cũng cần nhấn mạnh đến hạn chế của nền dân chủ này: chỉ một bộ phận cư dân được hưởng quyền công dân. Còn đa số nô lệ không có quyền.  **GV mở rộng kiến thức** về chế độ nô lệ ở Hy Lạp, đặc biệt là tình trạng buôn bán ma túy.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **2. Tổ chức nhà nước thành bang**  - Từ thế kỉ VIII đến thế kỉ VI TCN, ở Hy Lạp đã lần lượt ra đời. Trong đó, hai thành bang tiêu biểu nhất là Xpacta và Aten. Đây là nhà nước chiếm hữu nô lệ.  - Các thành bang có đường biên giới lãnh thổ, có chính quyền, quân đội, luật pháp, hệ thống kinh tế, đo lường, tiền tệ và những thần bảo hộ riêng. |

**HOẠT ĐỘNG 3. Tổ chức nhà nước đế chế**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã

**b. Nội dung:** Những mốc chính trong quá trình phát triển và suy tàn của đế chế La Mã; tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  GV cho hoạt động theo cặp, Thời gian 2 phút, trả lời các câu hỏi:  *? Dựa vào lược đồ hình 9.2, hình 9.4, 9.5 và đọc thông tin, hãy trình bày tổ chức nhà nước đế chế La Mã.*  *? So với nhà nước thành bang ở Hy Lạp, nhà nước đế chế ở La Mã có điểm gì khác?*  *GV khuyến khích học sinh tìm hiểu thêm tiểu sử các nhân vật:* Ốc-ta-viu-xơ, Ô-gu-xtu-xơ.  GV gọi HS trả lời câu hỏi, các cặp khác nhận xét và bổ sung.  GV chốt lại nội dung kiến thức.  Soạn sử 6 bài 9 : Hy Lạp và La Mã cổ đại (SGK Cánh diều)  Viện nguyên lão La Mã – Wikipedia tiếng Việt  *Hình 9.5: Một thành viên đang diễn thuyết tại Viện Nguyên lão (tranh minh họa)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **4.Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **3. Tổ chức nhà nước đế chế**  - Từ một thành bang nhỏ bé ở miền trung bán đảo l-ta-ly, La Mã đã dẩn mở rộng lãnh thổ và trở thành một đế chế rộng lớn, quyền của lực của người đứng đầu là rất lớn nhưng cũng có sự khác biệt qua tưng thời kì.  - Từ năm 27 TCN, Ốc-ta-viu-xơ trở thành người thống trị duy nhất ở La Mã.  Ốc-ta-viu-xơ đã nắm trong tay mọi quyền hành và được gọi là Ô-gu-xtu-xơ (đấng cao cả, tối cao).  - Dưới thời Ô-gu-xtu-xơ, vai trò của Viện Nguyên lão được coi trọng, với số nghị viên khoảng 600 người, nhiều chức năng của Đại hội nhân dân trước đó được chuyển giao cho Viện Nguyên lão. |

**HOẠT ĐỘNG 4. Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã.**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp, La Mã.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS quan sát lược đồ tranh ảnh để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Vẽ được vẽ sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu và lí giải thành tựu ấn tượng nhất.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**CHƯƠNG IV. ĐÔNG NAM Á**

**(TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X)**

**Bài 10**

**SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC Ở ĐÔNG NAM Á (TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X)**

(… tiết)

|  |  |
| --- | --- |
| **20526659_684991958366288_984150484_n** |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

* Trình bày được sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.
* Trình bày được quá trình xuất hiện và sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực chung

+ Tự chủ và tự học: Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.

+ Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ cá nhân, nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp bản thân.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo: Phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực riêng

+ Tìm hiểu lịch sử: Khai thác các thông tin có trong hình ảnh, tư liệu, đọc bản đồ xác định mối liên hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á thời cổ với các nước Đông Nam Á hiện tại.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được vị trí địa lý của khu vực. Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á. Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các quốc gia Đông Nam Á.

+ Vận dụng kiến thức đã học để liên hệ với tình hình hiện tại.

***3. Về phẩm chất:***

* Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa, học hỏi để hòa nhập.
* Có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa chung của khu vực ĐNÁ.
* Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung ASEAN

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.  **b) Nội dung**:  **GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.  **HS** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:** - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức ban đầu về ĐNÁ  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu lược đồ ĐNÁ ngày nay và đặt câu hỏi:  ? Em hiểu thế nào là ĐNÁ?  ? Đông Nam Á ngày nay gồm bao nhiêu quốc gia?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích lược đồ và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm, chỉ bản đồ.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Vị trí địa lý của Đông Nam Á** | | |
| **a) Mục tiêu:** HS nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ. HS nhận biết được đặc điểm nổi bật về địa hình của Đông Nam Á.  **b) Nội dung:** GV yêu cẩu HS quan sát lược đồ hình 12.1 (tr.63), kết hợp khai thác thông tin trong SGK để khai thác  **c) Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * GV yêu cẩu HS quan sát lược đồ hình 10.1 (tr.49), kết hợp khai thác thông tin trong SGK đặt câu hỏi.   ? Em hãy xác định vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK.  - Làm việc cá nhân, suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** mời 1 vài hs lên chỉ trên lược đổ và trình bày vị trí địa lí của Đông Nam Á  **HS** nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  GV có thể mở rộng kiến thức Đông Nam Á nằm ở "ngã tư đường" giữa châu Á và châu Đại Dương, Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Eo biển Ma-lắc-ca chính là "yết hầu" của giao lộ này, địa vị chiến lược trọng yếu vô cùng. Eo biển Ma-lắc-ca nằm ở giữa bán đảo Mã Lai và đảo Sumatra, lưu thông tàu thủy các nước bờ tây Thái Bình Dương phần nhiều đi qua tuyến hàng hải này hướng tới Nam Á, Tây Á, bờ biển phía đông châu Phi và các nước đi sát bờ biển ở châu Âu. | - Đông Nam Á nằm ở phía đông nam của châu Á, cầu nối liền giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương; là cầu nối giữa lục địa Á – Âu với lục địa Ô-xtray-li-a. | |
|  | | |
| **2. Quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII** | | |
| **a. Mục tiêu:** HS rút ra được quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á  **b. Nội dung:**   * GV sử dụng **nhóm bàn (5 phút)** để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.   - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Giao nhiệm vụ nhóm bàn 5 phút.  ? Quan sát hai lược đồ 10.2 và đọc thông tin em hãy trình bày quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á gắn với các quốc gia nào ngày nay (dựa vào 10.1)?  ? Các vương quốc cổ được hình thành nhiều nhất ở khu vực lục địa hay hải đảo ? Vì sao ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Các vương quốc được hình thành ở cả Đông Nam Á, nhưng nhiều nhất là ở lục địa vì có điều kiện tự nhiên thuận lợi, sông lớn tạo điều kiện cho người dân tụ họp thành các làng xã.  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | | Trong những thế kỉ đầu Công nguyên, một số vương quốc cổ lần lượt ra đời ở Đông Nam Á.  - Myanmar: Pe-gu, Tha-ton, Sri-kse-tra.  - Việt Nam: Văn Lang, Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam.  - Cam-pu-chia: Chân Lạp  - Thái Lan: Ha-ri-pun-giay-a, Đva-ra-va-ti, Tam-bra-lin-ga, Kê-đa  Ma-lai-xi-a: Tu-ma-sic  - In-đo-nê-xi-a : Ma-lay-u, Ta-ru-ma, Can-tô-li. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ XII đến thế kỉ X** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS rút ra được quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn, kĩ thuật động não để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phần trình bày kiến thức của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Hoạt động nhóm 2 bàn – 4 bạn – khăn phủ bàn – 5 phút.  ? Xác định trên bản đồ 10.3 và đọc thông tin, hãy cho biết từ thế kỉ VII đến thế kỉ X các vương quốc phong kiến ở ĐNÁ hình thành như thế nào?  ? Dựa vào thông tin em hãy cho biết sự phát triển của các vương quốc phong kiến này ? Giải thích về sự phát triển kinh tế khác nhau giữa các vương quốc lục địa với vương quốc ở hải đảo?  ? Em hiểu thế nào về khái niệm vương quốc cổ và vương quốc phong kiến?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi lại đáp án câu hỏi.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em tìm đáp án (nếu cần).  - Sự phát triển kinh tế khác nhau giữa các vương quốc lục địa và hải đảo:  Lục địa - lưu vực sông- vương quốc- nông nghiệp lúa nước.  Hải đảo- vương quốc gần biển- buôn bán nước ngoài.  - Về khái niệm: hs dựa vào bảng tra cứu thuật ngữ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, trình bày theo tinh thần xung phong  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - HS khác quan sát, theo dõi bạn trình bày và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X các vương quốc phong kiến được hình thành như:  - Pagan, Sri Kse-tra -> thuộc (Miến Điện) Myanma ngày nay.  - Đva-ra-va-ti -> Thái Lan.  - Sri-vi-giay-a, Calinga -> In-đô-nê-xi-a  - Chân Lạp => Cam-pu-chia  - Đại Cồ Việt, Chăm-pa -> Việt Nam.  Quá trình phát triển của các nhà nước PK:  - Bộ máy nhà nước quy củ hơn, vua được tăng cường quyền lực bởi quân đội và luật pháp.  - Kinh tế nông nghiệp, thương nghiệp, hàng hải... phát triển. |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Em hãy trình bày sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á. Với vị trí địa lí như vậy, các vương quốc ở ĐNÁ đã chịu ảnh hưởng từ bên ngoài như thế nào trong quá trình ra đời và phát triển?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS sưu tầm sự hình thành và phát triển của một vương quốc).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Sưu tầm tư liệu về sự hình thành và phát triển của một vương quốc ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ X để giới thiệu cho các bạn?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 11. GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VÃN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á

TỪ ĐẨU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THÊ KỈ X

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức**

- Phân tích được những tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

1. Về kĩ năng, năng lực

* Khai thác được những thông tin kênh chữ, kênh hình trong bài học
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để sưu tầm giới thiệu về một thành tựu văn hóa đặc sắc ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ thứ X)

1. Về phẩm chất

* Trân trọng, tự hào và giữ gìn những giá trị về kinh tế văn hóa đặc sắc của các nước trong khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.
* Trân trọng và giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học tạo hứng thú cho HS

- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

**GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.

**HS:** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

- HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

|  |  |
| --- | --- |
| Description: https://www.daikynguyen.tv/wp-content/uploads/2017/08/5-50.jpg | Description: https://www.daikynguyen.tv/wp-content/uploads/2017/08/9-20.jpg |

|  |  |
| --- | --- |
| Description: https://www.daikynguyen.tv/wp-content/uploads/2017/08/2-35.jpg | Description: https://www.daikynguyen.tv/wp-content/uploads/2017/08/12_zing.jpg |

*? Quan sát hình ảnh trên em có nhận xét gì về cư dân Đông Nam Á ngay từ khoảng đầu Công nguyên?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tác động của quá trình giao lưu thương mại** | | |
| **a) Mục tiêu**: Phân tích được tác động của quá trình giao lưu thương mại giữa các quốc gia khu vực Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS đọc thông tin mục I, quan sát Hình 11.2, hình 11.3 và trả lời câu hỏi:  *?Trình bày hoạt động giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên.*  *?Tác động của quá trình giao lưu thương mại đến các vương quôc cổ ở đầu Công nguyên thế kỉ X như thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | - Từ khoảng thế kỉ I, do nhu cầu trao đổi hàng hóa thương nhân Ấn Độ tăng cường hoạt động ở Đông Nam Á tập trung ở các cảng thị lớn của các vương quốc Phù Nam, Ca-lin-ga, Sri Vi-giây-a…  -Từ khoảng thế kỉ VII, thương nhân Trung Quốc cũng mở rộng quan hệ vùng Đông Nam Á  - Đông Nam Á là nơi cung cấp các sản vật tự nhiên: gỗ quý, hương đồi mồi, ngọc trai… tiêu thụ các sản phẩm thủ công… | |
|  | | |
| **2. Tác động của quá trình giao lưu văn hóa** | | |
| **a) Mục tiêu**: Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X: Chữ viết, tôn giáo, kiến trúc, điêu khắc…  **b) Nội dung**:  - GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II và quan sát Hình 11.4, 11.5, 11.6:  GV chia nhóm học sinh thảo luận;  Nhóm 1: *Đọc thông tin mục II và quan sát Hình 11.4 cho biết tác động của* *quá trình giao lưu văn hóa đối với tôn giáo ở khu vực Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X như thế nào?*  Nhóm 2: *Đọc thông tin mục II và quan sát Hình 11.5 cho biết tác động của* *quá trình giao lưu văn hóa về chữ viết và văn học ở khu vực Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X như thế nào?*  Nhóm 3: *Đọc thông tin mục II và quan sát Hình 11.6, hình 11.7, hình 11.8 cho biết tác động của* *quá trình giao lưu văn hóa về kiến trúc và điêu khắc ở khu vực Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X như thế nào?*  Nhóm 4: *Kể tên những thành tựu về văn hóa tồn tại đến ngày nay ở Việt Nam nói riêng và Đông Nam Á nói chung?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang phần luyện tập. | | + Tôn giáo: Phật giáo và Hin-đu giáo của Ấn Độ hoà nhập với tín ngưỡng dân gian của cư dân bản địa.  + Chữ viết và văn học:  - Chữ viết: Tiếp thu hệ thống chữ cổ của Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng, người Việt tiếp thu hệ thống chữ Hán từ Trung Quốc.  - Văn học: Tiếp thu văn học của Ấn Độ và sáng tạo ra bộ sử thi Ra-ma Khiên (Thái Lan), Riêm Kê (Cam-phu-chia)  + Kiến trúc và điêu khắc: mang đậm dấu ấn của kiến trúc và tôn giáo Ấn Độ, phổ biến là đền tháp như tháp Chăm (Việt Nam) khu đền Bô-rô-bu-đua, Pram-ba-nan (In-đô-nê-xi-a) chùa Suê-đa-gôn (Mi-an-ma)....  -Nghệ thuật điêu khắc truyền thống chịu ảnh hưởng của Ấn Độ chủ yếu là tượng thần, tượng phật và phù điêu. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 vào phiếu học tập phần Luyện tập SGK trang 56: Ghi vắn tắt nội dung theo mẫu thể hiện sự tác động của quá trình thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác động của quá trình giao lưu thương mại** | **Tác động của quá trình giao lưu văn hóa** |
| Thương nhân Ấn Độ hoạt động mạnh mẽ ở Đông Nam Á | Phật giáo và Hin-đu giáo du nhập vào Đông Nam Á |
| Thương nhân Trung Quốc mở rộng quan hệ buôn bán | Tiếp thu chữ cổ Ấn Độ, sáng tạo ra  chữ viết riêng của người Mã Lai, Chăm, Khơ-me... |
| Đông Nam Á cung cấp sản vật tự nhiên và thị trường tiêu thụ sản phẩm thủ công | Kiến trúc mang đậm dấu ấn kiến trúc Ấn Độ, điêu khắc chủ yếu tượng thần, tượng phật, phù điêu. |

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Vận dụng SGK trang 56:*

*Trong vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về một thành tựu văn hóa đặc sắc ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X)*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: Ngày dạy:

**BÀI 12: NƯỚC VĂN LANG**

I. MỤC TIÊU

**1. Kiến thức**

**-** Nêu được khoảng thời gian thành lập nước Văn Lang

- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang

**-**  Biết được những nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang

**2. Năng lực**

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học (truyền thuyết, tư liệu hiện vật, tư liệu gốc, sơ đổ, lược đổ, ...).

- Năng lựcnhận thức và tư duy lịch sử:

+ Nêu được khoảng thời gian thành lập nước Văn Lang - mức độ biết.

+ Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang - mức độ biết và vận dụng.

+ Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang- mức độ hiểu.

+ Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên bản đồ hoặc lược đồ.

**3. Phẩm chất:**

**+** Khơi dậy sự tò mò, hứng thú cho HS đối với môn Lịch sử.

+ Tôn trọng quá khứ.Có ý thức bảo vệ các dis ản của thế hệ đi trước để lại.

+ Tôn trọng kỉ vật của gia đình. Có thái độ đúng đắn khi tham quan di tích lịch sử, bảo tàng.

+ Liên hệ được những phong tục trong văn hoá Việt Nam hiện nay kế thừa từ thời Văn Lang.

+ Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tổn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

+ Yêu nước, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên.

**II. CHUẨN BỊ TƯ LIỆU VÀ THIẾT BỊ**

**1. Giáo viên**

- Phiếu học tập dùng cho nội dung luyện tập

- Máy tính, máy chiếu. - SGV, SGK, tranh ảnh, tài liệu

**2. Học sinh**

- Học sinh đọc trước sgk và trả lời các câu hỏi trong SGK.

**III. TIÊN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*(GV giới thiệu bài mới)*

**HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Sự ra đời nhà nước Văn Lang**

**a. Mục tiêu:**Sự ra đời nhà nước Văn Lang

**b. Nội dung:**GV cho HS quan sát, vấn đáp..

**c. Sản phẩm học tập:**trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1:  + GV cho HS quan sát các bức tranh mô tả những truyền thuyết của Việt Nam thời dựng nước, sắp xếp lại các truyền thuyết buổi đẩu dựng nước theo nội dung dựng nước, làm thuỷ lợi, chống ngoại xâm - giữ nước (Con Rồng cháu Tiên, Sơn Tinh -ThuỷTinh, Thánh Gióng).  + Xác định những yếu tố cơ sở hình thành nhà nước Văn Lang trong thực tiễn: làm thuỷ lợi, chống ngoại xâm.  + Phân biệt huyền thoại lịch sử và sự thật lịch sử về sự ra đời của nhà nước Văn Lang: Đánh dấu (X) vào ô tương ứng( bảng kèm dưới)  Nước Văn Lang - Âu Lạc tồn tại trong khoảng thời gian từthê' kỉVIITCN đến thế kỉ IITCN.   * *Bước 2:* GV cho HS lên bảng khoanh vùng địa bàn cư trú trên bản đổ (lưu ý các em chỉ cẩn khoanh vùng chính xác tương đối khu vực gắn với ba dòng sông và bao góm những di tích cư trú chủ yếu của người Việt cổ), xác định kinh đô (lưu ý kí hiệu bản đổ). * *Bước 3: để xác* định khoảng thời gian ra đời của nước Văn Lang vào thế kỉ VIITCN. GV lưu ý niên đại trùng với niên đại khảo cổ học của văn hoá Đông Sơn. * Bước 4:GV có thể mở rộng kiến thức dựa trên nội dung phẩn *Em có biết trang* 73. Giải thích lại danh xưng **Hồng Bàng, Lạc Hồng.** | - Cách ngày nay khoảng 2000 năm, vào thời kì văn hoá Phùng Nguyên, những nhóm cư dân Việt cổ mở rộng địa bàn cư trú, di cư từ vùng núi, trung du xuống đồng bằng châu thổ các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.  - Bộ lạc mạnh nhất là Văn Lang, cư trú trên vùng đất ven sông Hồng từ Việt Trì (Phú Thọ) đến chân núi Ba Vi (Hà Nội) ngày nay. Đây là nơi có nghề đúc đồng phát triển sớm, dân cư đòng đúc, sống ven những bãi sa bổi, trổng lúa, trổng dâu. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Truyền thuyết** | **Lịch**  **sử** | ***Nước Văn Lang hình thành như thế nào?***  *Thế kỉ VIITCN, thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang đã thu phục các bộ lạc khác, tự xưng là Hùng Vương, thành lập nhà nước Vàn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ). Sự ra đời của nhà nước Văn Lang mở ra thời kì dựng nước đâu tiên trong lịch sử dân tộc.* |
| Con Rồng cháu Tiên | X |  |
| Hùng Vương - Vua nước Văn Lang |  | X |
| Di tích Làng Cả |  | X |
| Kháng chiến chống quân Tẩn (214 -208TCN) |  | X |
| Sơn Tinh -ThuỷTinh | X |  |
| Thánh Gióng | X |  |

**2, Tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang**

**a. Mục tiêu:**HS rút ra được nhận xét về tổ chức bộ máy của nhà nước Văn Lang.

**b. Nội dung:**Dựa vào sơ đồ 14.2, em hãy nhận xét về bộ mảy tổ chức của Nhà nước Văn Lang.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Dựa vào sơ đồ 14.2, em hãy nhận xét về bộ mảy tổ chức của Nhà nước Văn Lang.  Soạn sử 6 bài 12 : Nhà nước Văn Lang (SGK Cánh diều)  H12.2 Sơ đồ tổ chức Nhà nước Văn Lang  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** cẩn giải thích các khái niệm sau  *+ Bổ chính:* già làng đứng đẩu chiềng, chạ thời Hùng Vương.  *+ Lạc hấu: chức* quan phụ trách việc dân sự (quan văn) thời Hùng Vương - An Dương Vương.  *+ Lạc tướng: chức* quan phụ trách việc quân sự (quan võ) thời Hùng Vương - An Dương Vương  B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV có thể gọi HS trình bày sản phẩm của mình.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS. | + Nhà nước sơ khai, tổ chức đơn giản, chia làm 3 cấp (chỉ có vài chức quan). Đứng đẩu nước là Vua Hùng đứng đẩu, giúp việc có Lạc hầu, Lạc tướng.  + Bộ do Lạc tướng đứng đẩu; làng, bản (chiềng, chạ) do Bô chính đứng đẩu.  + Nhà nước chưa có quân đội, chưa có luật pháp. Nhà nước Văn Lang tuy đơn giản nhưng đã là tổ chức chính quyển cai quản nhà nước. |

**3, Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  GV y/c HS Làm việc cá nhân/ cặp đôi để trả lời các câu hỏi:  1,Dựa vào *SGK và Hình 12.3* em hãy *cho biết nghề chính của cư dân văn lang là gì?*  Những bí ẩn của lịch sử Việt Nam: Thời đại Hùng Vương qua các hình vẽ cổ  *H12.3 Hình đôi nam nữ giã gạo (hoa văn trên trống đồng)*  Ngắm nhà sàn Indonesia giống hệt hình vẽ trên trống đồng Việt  *H12.4 Hình nhà sàn(hoa văn trên trống đồng)*  Nghệ thuật trang trí trống đồng - Tinh hoa văn hóa Đông Sơn - Hình ảnh Việt  Nam xưa &amp; nay  *Hình thuyền(hoa văn trên trống đồng)*  2, Ngoài nghề làm nông trồng lúa nước, cư dân Văn Lang còn biết làm gì?  3, Từ các món ăn hàng ngày, em hãy liệt kê những công việc mà cư dân Văn Lang thường hay làm?  4, Vì sao người Văn Lang lại ở nhà sàn?  5, Trang phục chủ yếu của người văn lang ra sao?  6, Họ đi lại bằng gì? Vì sao?  B2: Thực hiện nhiệm vụ   * GV khai thác và sử dụng tư liệu hiện gốc (mặt trống đống) và tư liệu hình ảnh minh hoạ (đổ hoạ lại hoa văn trên mặt trống).   Phát triển Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử khi miêu tả đời sống sản xuất và sinh hoạt hằng ngày của người Việt thời kì Văn Lang:  + Hình ảnh nam nữ giã gạo, mặt trời, chim cò, hình trâu bò ,... cho thấy ngành nông nghiệp trổng lúa nước đã trở thành một nghề chủ yếu, cố định của người Việt thời dựng nước.  + Trong bữa ăn, người dân Văn Lang thường dùng những vật dụng gì?  *Thức ăn chính là cơm, biết làm mắm từ cá, làm muối và dùng gừng làm gia vị, sử dụng mâm, bát, muôi,... có trang trí hoa, hình ảnh đẹp. Nhiểu món ăn mang ý nghĩa tượng trưng cho những giá trị đạo lí của cộng đổng…*  GV có thể cho học sinh làm bảng thống kê sau: ( bên dưới)  + Cư dân làm nhà ở những vùng đất cao ven sông, ven biển hoặc trên sườn đổi. Họ làm nhà sàn để tránh thú dữ. Nhà có mái cong hình thuyền hoặc mái tròn hình mui thuyền.  + GV có thể gợi ý: tại sao chúng ta biết tổ tiên chúng ta thường ở nhà sàn? *(Giải mã tư liệu hình ảnh thời kì Đông Sơn).*  B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - HS khác lắng nghe, thảo luận thêm, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS.  **- Mở rộng và nâng cao kiến thức:** sử dụng tư liệu các hình ảnh, hình thành Năng lực quan sát, khai thác, tư liệu lịch sử, giải mã được kênh hình, tái hiện lịch sử, miêu tả được đời sống vật chất của người Việt thời Văn Lang .  + Các ngành nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang nông nghiệp và thủ công nghiệp.  + Kể ba hoạt động sản xuất của cư dân Văn Lang : cuốc ruộng, cày ruộng, thu hoạch lúa, giã gạo, cất giữ lúa,...  + Một số công cụ lao động chủ yếu của thời Văn Lang - lưỡi hái (thu hoạch), cuốc, lưỡi cày (xới đất trổng lúa,...), rìu.  B1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  GV: Đời sống tinh thần là sự phản ánh của cuộc sống vật chất, với điều kiện cuộc sống vật chất đơn giản, thấp như­ng cũng rất đa dạng, phong phú. Đời sống tinh thần của họ cũng có những phát triển phù hợp với cuộc sống vật chất.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV tổ chức cho HS hoạt động, giải mã những hình ảnh H 12.6, 12.7  trongdongvietnam  *Hình người hóa trang nhảy múa(hoa văn trên trống đồng)*  Cách gói bánh chưng ngày Tết - Download.vn  *Bánh chưng*  Chuyện kể bánh giầy Việt Nam | Bánh Dầy Ngon  *Bánh giầy*  - Phân tích những thông tín trong hình Cư dân Văn Lang có đời sống tinh thẩn phong phú, hoà hợp với tự nhiên.  B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV có thể gọi HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS khác lắng nghe, thảo luận thêm, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | **a, Đời sống vật chất**   * Nghề chính là trồng lúa nước * Kĩ thuật luyện kim phát triển, đặc biệt nghề đúc đồng đạt đến đỉnh cao * Ngoài ra, họ còn biết đánh cá, chăn nuôi gia súc, làm các nghề thủ công… * Ăn: cơm nếp, cơm tẻ, rau, thịt, cá… * ở: Nhà sàn * Mặc: + Nam: Đóng khố cởi trần   + Nữ: mặc váy, áo yếm, có dùng đồ trang sức   * Đi lại: Chủ yếu bằng thuyền   ***b, Đời sống tinh thần***  - Họ tổ chức lễ hội, vui chơi.  - Nhạc cụ là trống đồng, chiêng, khèn.  - Về tín ngư­ỡng:  + Người Văn Lang thờ cúng các lực lư­ợng tự nhiên nh­ư núi, sông, Mặt Trời, Mặt Trăng, đất, nước*.*  *+* Người chết được chôn cất cẩn thận trong các thạp bình, quan tài hình thuyền... kèm theo những công cụ và đồ trang sức quý giá.  - Phong tôc tËp qu¸n: ¨n trÇu cau vµ lµm b¸nh ch­ng, b¸nh giÇy trong ngµy tÕt.  =>Đời sống tinh thần và vật chất đã hòa quyện với nhau, tạo nên tình cảm cộng đồng sâu sắc trong con người Lạc Việt*.* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:**Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1:** Thời Văn Lang, Âu Lạc, người Việt có những phong tục gì nổi bật?

Thờ cúng tổ tiên, nhảy múa, thờ thần linh, xăm mình, nấu bánh chưng

**Câu 2:** Em hãy cho biết những công cụ lao động nào ở bảng dưới đây tương ứng với các hoạt động trổng lúa nước được thể hiện trong hình 15.1

**Câu 3:** Những phong tục nào trong văn hoá Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang, Âu Lạc?

* GV giải thích: phong tục là toàn bộ những hoạt động sống của con người mang tính bển vững, phổ biến, được cộng đổng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
* Bài tập này gổm hai yêu cẩu:
* + Tiếp thu được kiến thức mới: những phong tục được hình thành từ thời kì Văn Lang - Âu Lạc (thờ cúng tổ tiên, bánh chưng bánh giẩy, chôn cất người chết, ăn trầu cau, xăm mình,...).
* + Vận dụng vào trong phong tục hiện nay: trầu cau vẫn giữ trong phong tục cưới xin, làm bánh chưng, bánh giầy tưởng nhớ tổ tiên (đặc biệt trong những ngày Tết); phong tục coi trọng người chết (chôn cất,...).Tục xăm mình không được coi là phong tục hiện nay vì nó không phản ánh nền nếp xã hội và không được cộng đổng chấp nhận.

**D: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:**GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

**c. Sản phẩm:**bài tập nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 4:** Em hãy kể một truyền thuyết gắn liền với đời sống vật chất, tinh thẩn của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

- Bánh chưng bánh giầy, Trầu cau,Trăm trứng nở trăm con,...

**E : DẶN DÒ**

- Các em về học theo những câu hỏi cuối bài.

-Lµm bµi tËp trong VBT.

- §äc vµ t×m hiÓu néi dung bµi 14

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: Ngày dạy:

**BÀI 13: NƯỚC ÂU LẠC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Nêu được khoảng thời gian thành lập nước Âu Lạc

- Trình bày được tổ chức nhà nước của Âu Lạc

**-**  Biết được những nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Âu Lạc

**2. Năng lực**

- Năng lựctìm hiểu lịch sử: Nhận diện, phân biệt, khai thác và sử dụng được thông tin có trong các loại hình tư liệu cấu thành nên bài học (truyền thuyết, tư liệu hiện vật, tư liệu gốc, sơ đổ, lược đổ,...).

- Năng lựcnhận thức và tư duy lịch sử:

+ Nêu được khoảng thời gian thành lập nước Âu Lạc - mức độ biết.

+ Xác định được phạm vi không gian của nước Âu Lạc - mức độ biết và vận dụng.

+ Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên bản đồ hoặc lược đồ.

**3. Phẩm chất:**

**+** Khơi dậy sự tò mò, hứng thú cho HS đối với môn Lịch sử.

+ Tôn trọng quá khứ.Có ý thức bảo vệ các dis ản của thế hệ đi trước để lại.

+ Tôn trọng kỉ vật của gia đình. Có thái độ đúng đắn khi tham quan di tích lịch sử, bảo tàng.

+ Liên hệ được những phong tục trong văn hoá Việt Nam hiện nay kế thừa từ thời Âu Lạc

+ Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tổn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

+ Yêu nước, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên.

**II. CHUẨN BỊ TƯ LIỆU VÀ THIẾT BỊ**

**1. Giáo viên**

- Phiếu học tập dùng cho nội dung luyện tập

- Máy tính, máy chiếu. - SGV, SGK, tranh ảnh, tài liệu

**2. Học sinh**

- Học sinh đọc trước sgk và trả lời các câu hỏi trong SGK.

**III. TIÊN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên



*H13.1 Cổng đền thờ An Dương Vương trong Khu di tích thành Cổ Loa*

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*(GV giới thiệu bài mới)*

**HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

1. **Sự ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc**

**a. Mục tiêu:** Nêu được khoảng thời gian xác lập, xác định được phạm vi lãnh thổ của nước Âu Lạc và tổ chức nhà nước Âu Lạc

**b. Nội dung:** GV cho HS quan sát, vấn đáp.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  GV cho học sinh hoạt động cá nhân/ cặp đôi, dọc và quan sát hình 13.2; 13.3 và trả lời các câu hỏi  Thành Cổ Loa – Wikipedia tiếng Việt  *Sơ đồ Khu di tích thành Cổ Loa*  phục dựng nỏ thần thời An Dương Vương | Nghiên Cứu Lịch Sử  *H13.3 Nỏ Liên Châu*  1, Hãy cho biết thời gian ra đời và lãnh thổ chủ yếu của nước Âu Lạc thuộc khu vực nào của Việt Nam hiện nay.  2, Vẽ sơ đồ tổ chức nhà nước Âu Lạc  3, Hãy cho biết An Dương Vương xây thành Cổ Loa và chế tạo nỏ Liên Châu nhằm mục đích gì? Chứng tỏ điều gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV cho học sinh thời gian suy nghĩ, tìm hiểu. Sau đó gọi học sinh trả   * GV có thể dẫn dắt bằng việc giải thích nguồn gốc của tên gọi Âu Lạc: đó là dựa trên cơ sở hợp nhất hai tộc người Tây Âu, còn gọi là Âu Việt với Lạc Việt. GV định hướng cho HS hiểu tên gọi này xuất phát từ tinh thần hợp nhất dân tộc.   GV cho HS khai thác thông tin trong SGK để xác định trên lược đồ lãnh thổ Việt Nam ngày nay (treo tường) phạm vi không gian của nước Âu Lạc.  HS xác định được phạm vi không gian nhà nước Âu Lạc và rút ra được nhận xét: Lãnh thổ Âu Lạc được mở rộng hơn so với Nhà nước Văn Lang.   * GV cho HS khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Nước Áu Lạc ra đời trong bối cảnh nào?*   + HS thảo luận cặp đôi, sau đó đại diện cặp đôi lên trình bày trước lớp.   * GV đặt câu hỏi và tổ chức HS thảo luận nhóm: *Nhà nước Ầu Lạc có điểm gì giống và khác so với Nhà Nước Văn Lang?*   B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  HS chỉ ra được: Quyền lực của nhà vua được tăng cường hơn. Vị trí đóng đô có sự dịch chuyển từ miền núi Phong Châu xuống miền đồng bằng vùng Cổ Loa. Sức mạnh quân sự của Nhà nước Âu Lạc được để cao với việc xây dựng hệ thống thành luỹ và tạo nhiều loại vũ khí lợi hại,...   * Việc xuất hiện nhiều loại vũ khí chứng tỏ nhân dân Âu Lạc thường xuyên phải đối mặt với nạn ngoại xâm. Đồng thời cũng thể hiện kỹ thuật luyện kim của nhân dân ta thời này cũng đã rất phát triển ( GV có thể bổ sung thêm thông tin về cuộc kháng chiến chống quân Tần. * GV còn có thể mở rộng: *Nước Âu Lạc thời An Dương Vương có thế mạnh hơn Văn Lang, xây dựng thành Cổ Loa kiên cố và nhiều vũ khí tốt, vì sao lại mất nước?* Từ đó, GV có thể chỉ rõ cả nguyên nhân từ phía kẻ xầm lược (Triệu Đà âm mưu, xảo quyệt,...) cùng nguyên nhân từ chính vua Thục (chủ quan, thiếu phòng bị cẩn thiết,...) và nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan là yếu tố quan trọng nhất. Trên cơ sở đó, giúp HS tự rút ra được bài học về việc mất nước.   B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ   * GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | * Thời gian thành lập: khoảng năm 208 TCN. * Phạm vi không gian lãnh thổ của nước Âu Lạc: mỏ’ rộng hơn so với nước Văn Lang. * Tổ chức nhà nước: không có nhiều thay đổi so với Nhà nước Văn Lang; quyền lực nhà vua được mở rộng hơn. * Có quân đội mạnh, vũ khí tốt, đặc biệt có thành Cổ Loa. * Chuyển kinh đô xuống vùng Cổ Loa (Hà Nội). |

**2. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Âu Lạc.**

**a. Mục tiêu:** Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Âu lạc

**b. Nội dung:** GV cho HS quan sát, vấn đáp.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  GV cho học sinh quan sát hình ảnh, đọc thông tin để trả lời các câu hỏi  Bài 14 : Nước Âu Lạc - Hoc24  *H13.4 Lưỡi cày đồng Cổ Loa*  Trống đồng Cổ Loa  *H13.5 Trống đồng Cổ Loa*  Thành Cổ Loa - Báo ảnh Việt Nam  *Mũi tên đồng Cổ Loa*  1, Những nghề sản xuất chính của cư dân Âu Lạc  2, Hãy mô tả đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Âu Lạc ( dùng phiếu học tập để học sinh hoàn thiện)  3, Nhận xét chung về đời sống vật chất của cư dân Âu Lạc so với cư dân Văn Lang? ( HS khá, giỏi)  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - Phân tích những thông tín vể quá khứ trong hình 13.4; 13.5; 13.6  Cư dân Âu Lạc có đời sống tinh thẩn phong phú, ngày càng tiến bộ  Học sinh tìm ra được những đặc điểm chính về đặc điểm kinh tế, cách thức ăn, mặc, ở, tín ngưỡng, phong tục…  B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV có thể gọi HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS khác lắng nghe, thảo luận thêm, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.  Giới thiệu cho Hs về lễ hội Cổ Loa.  Lễ hội Cổ Loa 2019: Tìm về những giá trị cổ xưa - Hànộimới  *H13.7 Lễ hội Cổ Loa* | **-** Nông nghiệp, thủ công nghiệp tiếp tục phát triển  - các nghề: luyện kim, làm gốm, xây dựng… ngày càng phát triển  - Thực đơn bữa ăn ngày càng phong phú và chất lượng  - Mặc nhiều loại vải khác nhau: đay, tơ tằm  - Ở: các loại đồ dùng hàng ngày đã phong phú hơn nhiều  - Tín ngưỡng, phong tục, tập quán, các lễ hội… Vẫn được tiếp tục duy trì và phát triển |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:**Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về bài học

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm*:***hoàn thành bài tập;

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1:** Hoàn thành bảng thống kê các nội dung dưới đây vể nhà nước Văn Lang và Âu Lạc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nước Văn Lang** | **Nước Âu Lạc** |  |
| **Thời gian ra đời** | 7 | 7 |  |
| **Đứng đầu nhà nước** | 7 | 7 |  |
| **Kinh đô** | 7 | 7 |  |

**Câu 2:** Em hãy cho biết các mốc thời gian sau gắn với những sự kiện lịch sử quan trọng nào của thời kì Văn Lang - Âu Lạc?

* Thế kỉ VIITCN: nước Văn Lang thành lập.
* Năm 218TCN - 214TCN: quân Tẩn đánh xuống Văn Lang.
* 208 TCN: kháng chiến chống Tần kết thúc. Âu Lạc thành lập.
* 179 TCN: Âu Lạc bị sáp nhập vào Nam Việt.

**D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:**GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

**c. Sản phẩm:**bài tập nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 3:** *Từ truyền thuyết "Con Rổng cháu Tiên", em hiểu thế nào vể hai chữ "đổng bào" và truyền thống "tương thân tương ái" của người Việt Nam? Hãy liên hệ với thực tiễn hiện nay để làm rõ hơn hai khái niệm này.*

* "Đổng bào": cùng chung một bào thai, xuất xứ từ truyền thuyết"Con Rổng cháu Tiên", các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đếu có cùng nguồn cội, anh em chung một nhà.
* Truyền thống "tương thân tương ái" của người Việt Nam:

*"Bâu ơi thương lấy bí cùng*

*Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"*

HS tự liên hệ thực tế, đặc biệt trong tình hình dịch Covid đang hoành hành hiện nay

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

CHƯƠNG VI

THỜI KÌ BẮC THUỘC VÀ CHỐNG BẮC THUỘC

(Từ thế kỉ II TCN đến năm 938)

BÀI 14.

CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIÊN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦẨ XĂ HỘI ÂU LẠC

*(tiết...)*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**I. MỤC TIÊU:** *(Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)*

1. *Về kiến thức:*

* Nêu được một số chính sách cai trị của các triếu đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.
* Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế, xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của triều đại phong kiến phương Bắc.

1. *Về năng lực:*

* Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
* Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

1. *Về phẩm chất:*

Biết đồng cảm và chia sẻ với nỗi thống khổ của nhân dân dưới ách thống trị ngoại xâm, bước đầu nhận thức được giá trị của độc lập, tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
* Lược đồ phóng to đơn vị hành chính nước ta thời thuộc Đường.
* Các hình ảnh minh hoạ có liên quan đến nội dung bài học.
* Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).
* SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cấu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b) Nội dung:** HS dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c) Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV sử dụng, giới thiệu về thành cổ Luy Lâu - vốn là di tích tiêu biểu thời Bắc thuộc còn lại ở thời điểm hiện tại**.**

? Em có biết bức hình trên ở địa danh nào trên đất nước ta?

? Di tích đó gắn với thời kì lịch sử nào ở nước ta? Em có suy nghĩ gì về thời kì lịch sử này?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS quan sát tranh để có gợi ý.

**HS:** Quan sát hình ảnh phát biểu.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV**: Mời một vài HS trả lời câu hỏi.

**HS**: HS trả lời câu hỏi

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

* GV khai thác đoạn mở đầu trong bài để vào bài mới. Việc gợi nhắc cho HS liên tưởng và nhớ về một trung tâm văn hoá - chính trị, trung tâm Phật giáo, gắn liền với một thời lò bi tráng trong lịch sử dân tộc - thời Bắc thuộc. Những sử liệu về thời kỳ Bắc thuộc ở Luy Lâu chứng minh chứng minh nơi đây là trị sở của chính quyền đô hộ phương Bắc, vừa là một trung tâm kinh tế, văn hóa, tôn giáo quan trọng của Giao chỉ. Vì vậy “Luy Lâu là di tích quan trọng bậc nhất của thời kỳ Bắc thuộc ở Việt Nam”. GV dẫn dắt HS vào bài mới.

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc.** | |
| **a) Mục tiêu:** HS hiểu chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc.  **b) Nội dung:** GV khai thác kênh chữ, kênh hình  - GV sử dụng hoạt động nhóm bàn, KT “tia chớp” để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  **c) Sản phẩm học tập:** Hoàn thành phiếu bài tập, trả lời được câu hỏi của giáo viên.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **HS thảo luận nhóm 4 bạn - đại diện trình bày.**  GV hướng dẫn HS đọc thông tin, khai thác sơ đồ hình 14.2 và lược đồ hình 14.3 trong SGK để thực hiện yêu cầu:  *1. Hãy cho biết chính sách cai trị về chính trị của các triều đại phong kiến phương Bắc ở nước ta?*  *2*. *Các triều đại phong kiến phương Bắc chủ trương đặt nước ta thành quận huyện trực thuộc Trung Quốc nhằm mục đích gì?*  *3. Em có nhận xét gì về sự tự chủ, tự do của nhân dân Âu Lạc dưới ách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ, trao đổi bạn và ghi lại đáp án câu hỏi.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em tìm đáp án (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  -Yêu cầu HS trình bày theo tinh thần xung phong  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Xung phong trình bày sản phẩm bài tập của nhóm mình.  - HS khác quan sát, theo dõi bạn trình bày và bổ sung cho bạn (nếu cần).  Em hiểu thế nào là quân đội “đồn trú”? (đóng quân cố định một chỗ)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | 1. Chính sách cai trị về chính trị:   + Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc, chia thành các đơn vị hành chính:  Châu  (Đứng đầu thứ sử – người Hán)  Quận  (Đứng đầu thái thú – người Hán)    Huyện.  (Từ khởi nghĩa 2 bà Trưng  Huyện lệnh – người Hán)  Làng, xã.  (Hào trưởng – người Việt đứng đầu)  Sơ đồ tổ chức chính quyền của nhà Hán ở châu Giao  + Áp dụng pháp luật hà khắc và thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV tổ chức cho HS đọc thông tin và khai thác kĩ đoạn tư liệu sgk 69, thảo luận để thực hiện yêu cầu:  1. *Em biết điều gì về chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?*  2. Vì *sao các triều đại phong kiến phương Bắc lại nắm độc quyền về muối và sắt?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân trao đổi bạn và ghi lại đáp án câu hỏi.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em tìm đáp án (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:* Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**: Xung phong trình bày sản phẩm bài tập của nhóm mình.  - HS khác quan sát, theo dõi bạn trình bày và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | 1. Chính sách bóc lột về kinh tế:   + Áp đặt chính sách tô thuế nặng nề, cống nạp sản vật quý.  + Nắm độc quyến vế sắt và muối đối với người Việt. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV: HS dựa vào tư liệu sgk trả lời.  *1. Việc đưa người Hán sang sinh sống lâu dài ở nước ta nhằm mục đích gì?*  *2. Nêu chính sách cai trị về văn hoá của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với người Việt thời Bắc thuộc?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * **GV** mời HS giải thích   từ "đồng hoá".   * Mục đích của chính sách đồng hoá: Đó là việc ép buộc, bắt một dân tộc khác phải chấp nhận ngôn ngữ, chữ viết, phong tục, tập quán của dân tộc mình.   **HS** suy nghĩ cá nhân trao đổi bạn và ghi lại đáp án câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:* Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**: Xung phong trình bày sản phẩm bài tập của nhóm mình.  - HS khác quan sát, theo dõi bạn trình bày và bổ sung cho bạn (nếu cần).  Bước 4:  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | 1. Chính sách cai trị về văn hoá:   - Đưa người Hán sang sinh sống lâu dài; mở trường dạy chữ Hán; áp dụng luật Hán; truyền bá văn hóa, phong tục phương Bắc.  => Chính sách đồng hoá dân tộc Việt. |
| **2. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội và văn hóa trong thời Bắc thuộc.** | |
| **a) Mục tiêu:** Hs hiểu biết về những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc.  **b) Nội dung:** Hs quan sát tranh ảnh, đọc tài liệu (kênh chữ SGK/T70) để tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV.  Sử dụng phương pháp vấn đáp.  **c) Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên  **d) Tổ chức thực hiện:**     |  |  | | --- | --- | |  |  | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  **Hoạt động nhóm 2 bàn – 4 bạn**  Dựa vào ngữ liệu SGK/70, 71và hình 14.6 – 14.7, em hãy hoàn thiện cột “K” và cột “W” để thể hiện những điều đã biết và muốn biết về sự chuyển biến của nền kinh tế - xã hội và văn hóa nước ta thời Bắc thuộc.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | a. Kinh tế:  -Nông nghiệp:  -Thủ công:  b. Xã hội- văn hóa |  |  |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc SGK, thu thập thông tin trả lời câu hỏi hướng sự hướng dẫn của GV  **B3: *Báo cáo thảo luận***  Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn.  GV: giải thích khái niệm hào trưởng Việt; Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo.  Nhóm hs khác đánh giá nhóm bạn  **GV:**   * *Theo em, thành phần nào sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt? Vì sao?*   *(Không bắt buộc hs trả lời – sẽ tìm hiểu và trả lời ở bài 15.)*  HS nhận thức được trong các thành phần xã hội tầng lớp hào trưởng bản địa sẽ là lực lượng đóng vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo ngọn cờ khởi nghĩa giành lại độc lập tự chủ cho người Việt vì đầy là tầng lớp có uy tín và vị thế trong xã hội. *B4: Kết luận, nhận định*   * GV chốt lại hai điểm đáng lưu ý về tình hình xã hội:   + Từ khi bị Triệu Đà xâm lược, người Việt từ thân phận làm chủ đất nước thành nô lệ của ngoại bang.  + Mâu thuẫn chủ yếu, bao trùm xã hội bấy giờ là mâu thuẫn giữa nhân dân Âu Lạc với chính quyền đô hộ phương Bắc. Đó là cơ sở làm bùng lên các cuộc đấu tranh giành độc lập liên tục trong suốt thời kì Bắc thuộc. | **a) Những chuyển biến về kinh tế:**  - Nông nghiệp:  + Trồng lúa nước, ngoài ra còn trồng cây ăn quả, chăn nuôi.  + Biết sử dụng công cụ sắt, sức kéo trâu bò, biết chiết cành.  - Thủ công nghiệp:  + Rèn sắt, đúc đồng, làm gốm, làm mộc, … được duy trì và phát triển.  + Xuất hiện nghề thủ công mới: làm giấy, làm đường, mật mía, “Vải Giao Chỉ”  **b) Những chuyển biến về xã hội và văn hóa:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thời Văn Lang, Âu Lạc** | **Thời Bắc thuộc** | | | Vua | Quan lại đô hộ | | | Lạc hầu, Lạc tướng | Địa chủ Hán | Hào trưởng Việt | | Lạc dân | Nông dân công xã | | | Nông dân lệ thuộc | | | Nô tì | |   - Tư tưởng Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và phong tục Hán truyền bá ngày càng nhiều vào nước ta thời Bắc thuộc. |
|  | |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

HS hoàn thành bài tập của GV

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bài 1.** Nêu một số nét trong chính sách cai trị về chính trị, kinh tế, văn hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với người Việt thời Bắc thuộc?

**Bài 2:** Nêu những chuyển biến về kinh tế, văn hóa – xã hội của Việt Nam trong thời Bắc thuộc.

**HĐ4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập. Bài 2

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà

**c. Sản phẩm:** bài tập nhóm

**Bài 3.** Em hãy cho biết những cách thức canh tác, nghề thủ công nào trong thời Bắc thuộc vẫn được duy trì, phát triển cho đến ngày nay.

Gợi ý:

– Hình thức canh tác: Công cụ sản xuất làm bằng sắt, dùng trâu bò làm sức kéo, chiết cành…

– Nghề thủ công: nghề làm gốm, làm mộc, làm thủy tinh, làm mật, làm đường

GV hướng dẫn HS sưu tầm, tìm hiểu những cách thức canh tác, nghề thủ công ngày nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* “An Nam đô hộ phủ phải cống: chuối, cau, da cá sẩu, mật trăn, cánh chim trả. Ái Châu cống sa, the, đuôi chim công. Phúc Lộc cống sáp trắng, trúc tía. Trường Châu cống vàng. Hoan Châu cống vàng (kim bạc hoàng tiết), vàng, cốm, ngà voi, sừng tê, trầm hương, trúc hoa. Phong châu cống bạc, đồ mây, sáp trắng, mật trăn, đậu khấu. Lục Châu cống vàng, đồi mồi, da vích, cánh chim trả, giáp hương”(Theo Cao Hùng Trưng, *An Nam chí nguyên* (bản dịch), NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2017, tr. 184 - 185).
* Theo lệ thuế nhà Đường thì hằng năm, trên mỗi mẫu ruộng, người dân phải nộp là hai thạch thóc (bằng 20 thăng, mỗi thăng tương đương khoảng từ 2,8 đến 3kg). Ngoài ra, người dân còn phải nộp 2 tấm lụa the, chịu sự sai dịch 20 ngày. Nếu không đi sai dịch được thì cứ mỗi ngày phải nộp 2 thước lụa.

**\* Dặn dò HS:**

- Học bài ở nhà.

- Chuẩn bị cho bài 15. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước TK X.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:…/…/…*

*Ngày dạy:…/…/…*

# **Tiết …. BÀI 15**

# **CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TỰ CHỦ**

# **(TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN TRƯỚC THẾ KỈ X)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Thông qua bài học, HS nắm được: Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong công cuộc đấu tranh giành độc lập tự chủ của nhân dân ta trước thế kỉ X

**2. Năng lực**

**-** Năng lực chung:

+ Giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực riêng:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: Cách sử dụng lược thông tin của các lược đồ, sơ đồ khởi nghĩa trong bài

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:

Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa

Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

Nêu được kết quả của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

Lập được biểu đồ, sơ đồ vì các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc và ý chí căm thù giặc ngoại xâm, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ tổ quốc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

+ Giáo án, SGV, SHS Lịch sử và Địa lí 6.

+ Sơ đồ, lược đồ, hình ảnh về các cuộc khởi nghĩa.

+ Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

**+** SHS Lịch sử và Địa lí 6.

+ Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:* Em đã biết, sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phương Bắc đã tìm “trăm phương nghìn kế” để áp đặt ách cai trị đối với nước ta. Nhưng thực tế lịch sử có thuận theo ý đồ của họ không? Em suy nghĩ gì về lời “phàn nàn” của viên Thái thú người Hán: Dân xứ ấy rất khó cai trị?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:* Các triều đại phương Bắc đã tìm “trăm phương nghìn kế” để áp đặt ách cai trị đối với nước ta. Nhưng thực tế, theo lời “phàn nàn” của viên Thái thú người Hán: Dân xứ ấy rất khó cai trị. Đó là vì tinh thần đấu tranh liên tục, quật cường chống ách đô hộ của người Việt qua các cuộc khởi nghĩa.

*- GV đặt vấn đề*: Chính sách thôn tính, sáp nhập và đồng hoá của các triều đại phong kiến Trung Quốc nhằm xoá đi tên đất, tên làng, tiếng nói và phong tục của người Việt gặp phải sự phản kháng quyết liệt của nhân dân ta. Một ngàn năm không chịu cúi đầu, lớp lớp các thê hệ “con Rồng cháu Tiên” không ngừng vừng lên đầu tranh giành lại giang sơn gấm vóc và độc lập tự chủ cho dân tộc. Để tìm hiểu rõ hơn về các cuộc khởi nghĩa và những nhân vật lịch sử tiêu biểu chúng ta cùng tìm hiểu Bài 18 - Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X.

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40-43)**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nguyên nhân sâu xa, mục đích của cuộc khởi nghĩa; chỉ được trên lược đồ những nét chính về cuộc khởi nghĩa; kết quả, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV Giới thiệu đoạn trích của chủ tịch Hồ Chí Minh và yêu cầu học sinh quan sát sơ đồ H15.1 một số cuộc khởi nghia tiêu biểu của nhân dân ta thời Bắc thuộc.  - GV Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam được thể hiện nh thế nào trong thời Băc thuộc?  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_29.png- GV giới thiệu tóm tắt về Hai Bà Trưng: Trưng Trắc, Trưng Nhị là con gái Lạc tướng vùng Mê Linh (thuộc Hà Nội ngày nay) phất cờ khởi nghĩa. Hai bà sinh ra và lớn lên ở khu vực đôi bờ sông Hồng (đoạn từ Hạ Lôi, Mê Linh đến thị xã Sơn Tây, Hà Nội), nơi có nghề trồng dâu, nuôi tằm. Vì vậy, tên tuổi của hai bà được thần tích dân gian giải thích được bắt nguồn từ cách gọi tên theo các loại kén: kén dày là trứng chắc, tức Trưng Trắc; kén mỏng là trứng nhì, tức Trưng Nhị.  **-** GV yêu cầu HS đọc bài thơ Thiên nam ngữ lục mục I SHS trang 74 và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.  “Một xin rửa sạch nước thừ  Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.  Ba kẻo oan ức lòng chồng  Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này”.  - GV yêu cầu HS quan sát Lược đồ 15.2, trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng:  C:\Users\admin\Downloads\IMG_20210718_080424.jpg  - GV mở rộng kiến thức: tương quan lực lượng và khí thế của hai bên trái ngược: Quân Hán, đứng đầu là Tô Định hốt hoảng, phải bỏ thành, cắt tóc, cạo râu, lén trốn về Trung Quốc. Trong khi quân của Hai Bà Trưng mạnh mẽ, hùng dũng đi “đến đâu đều như có gió cuốn, phạm vi ảnh hưởng rộng lớn “các quận Cửu Châu, Nhật Nam, Hợp Phố,... đều hưởng ứng”.  - GV yêu cầu HS đọc tư liệu trang 75, để thấy sự hưởng ứng, dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: Em hãy nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.  **-** GV mở rộng kiến thức:  + Đền Hát Môn: còn gọi là đền Quốc tế, đền Hai Bà Trưng, tọa lạc ở xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Vùng Hát Môn là nơi Hai Bà Trưng tổ chức hội quân sĩ sau khi hội tại thành Phong Châu. Đây cũng là nơi tuẫn tiết của Hai Bà Trưng khi cuộc khởi nghĩa thất bại. Tương truyền, đền Hát Môn được khởi dựng sau khi Hai Bà Trưng hoá sinh vào cõi bất diệt. Trong thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ, Đền Hát Môn được chọn làm nơi sinh hoạt, luyện tập của dân quân du kích địa phương. Những sự kiện lịch sử và hệ thống di tích quanh vùng sông Hát góp phần làm giàu thêm nội dung và tôn cao giá trị của đền thờ Hai Bà Trưng.  + Lễ hội đền Hai Bà Trưng: được tổ chức từ ngày mồng 4 đến ngày mồng 10 tháng Giêng âm lịch, mồng 6 là ngày chính hội. Lễ hội được tổ chức theo nghi thức nhà nước và truyền thống địa phương: lễ dâng hương, mít tinh kỷ niệm ngày Hai Bà tế cờ khởi nghĩa và tế lễ theo nghi thức cổ truyền.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng**  - Nguyên nhân:  + Chống lại sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ phương Bắc khôi phục lại nền độc lập, tự chủ đã được thiết lập từ thời Hùng Vương dựng nước.  + Trả thù cho chồng mình là Thi Sách.  - Diễn biến  + Tháng 3 - 40, Trưng Trắc cùng Trưng Nhị đã phất cờ khởi nghĩa ở Hát Môn, tướng lĩnh đều quy tụ về với cuộc khởi nghĩa.  + Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh hạ thành Cổ Loa và tiến đánh chiếm được Luy Lâu.  + Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên ngôi vua, đóng đô ở Mê Linh, ban chức tước cho người có công, xá thuế cho dân.  + Mùa hè năm 42, Mã Viện đem quân đàn áp. Năm 43, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại .  - Ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng:  + Là cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên trong thời kì Bắc thuộc, Chứng tỏ tinh thần đấu tranh mạnh mẽ, bất khuất của người Việt. Ý chí anh hùng của người phụ nữ Việt Nam. |

**Hoạt động 2: Khởi nghĩa Bà Triệu.**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nguyên nhân sâu xa, mục đích, diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  **-** GV đọc diễn cảm câu nói của Bà Triệu: “Tôi chỉ muốn cưỡi gió đạp sông, chém cá kình lớn ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi, cửa dân ra khỏi cảnh chìm đắm, há lại bắt chước người đời cúi đều khom lưng làm tì thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà ư?” C:\Users\admin\Downloads\IMG_20210718_080434.jpg  - GV giới thiệu cho HS về Bà Triệu: Bà Triệu tên thật là Triệu Thị Trinh. Trong các thư tịch cổ và truyền thuyết dân gian, Bà Triệu thường được miêu tả là người phụ nữ trẻ trung, xinh đẹp thường mặc áo giáp vàng, đi guốc ngà cưỡi voi mà chiến đấu, rất lẫm liệt, hùng dũng  - GV yêu cầu thảo luận theo cặp, HS đọc thông tin mục 2, và trả lời câu hỏi:  + Nêu nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?  + Trình bày những nét chính của cuộc khởi nghĩa? Và ý nghĩa của nó?  - GV yêu cầu HS đọc bài ca dao, để biết về sự ủng hộ của nhân dân ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu: không chỉ làm rung chuyển chính quyền đô hộ mà còn góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho các cuộc khởi nghĩa sau này.  - GV Giới thiệu H 15.5 về lăng Bà Triệu.  C:\Users\admin\Downloads\IMG_20210718_080438.jpg  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **2. Khởi nghĩa Bà Triệu**  - Nguyên nhân: Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Ngô, năm 248, Bà Triệu phất cờ khởi nghĩa.  - Diến biến: Từ căn cứ núi Nưa được nhân dân ủng hộ nghĩa quân đánh phá các thành ấp của bọn quan lại đô hộ  - Kết quả: Nhà Ngô lo sợ, vội cử Lục Dận mang 8000 quân sang đàn áp. Dù chiến đấu anh dũng nhưng do lực lượng quá chênh lệch, nghĩa quân bị tiêu diệt. Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng (Phú Điền, Hậu Lộc, Thanh Hoá).  - Ý nghĩa: Tô đậm thêm truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, là ngon cờ tiêu biểu trong cuộc đấu tranh trong thời kì Băc thuộc. |

**Hoạt động 3: Khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được nguyên nhân sâu xa, mục đích, diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  **-** GV giới thiệu về Lý Bí:  + Lý Bí xuất thân trong một gia đình hào trưởng ở Phố Yên, Thái Nguyên ngày nay. Một thời, ông có ra làm việc với chính quyền đô hộ, nhận một chức quan nhỏ: giám quận (kiểm soát quân sự) ở Cửu Đức, Đức Châu (Đức Thọ, Hà Tĩnh).  + Yêu nước, thương dân, bất bình với bè lũ đô hộ, ông sớm bỏ quan, về quê ở Thái Bình. Lý Bí đã liên kết với hào kiệt các châu thuộc miền đất Giao Châu nước ta, nổi dậy chống Lương. Theo sử cũ Việt Nam, thủ lĩnh Chu Diên (vùng Đan Hoài, nay thuộc ngoại thành Hà Nội) là Triệu Túc và con là Triệu Quang Phục, phục tài đức Lý Bí đã đem quân theo.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 3 và lược đồ H15.6 trang 77 và trả lời câu hỏi: Em hãy trình bày về diễn biến cuộc khởi nghĩa Lý Bí.  C:\Users\admin\Downloads\IMG_20210718_080442.jpg  **-** GV mở rộng kiến thức:  + Giải thích tên nước Vạn Xuân: mong muốn cho xã tắc truyền đến muôn đời.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_50.png+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 18.8: Chùa Trần Quốc, nguyên là chùa Khai quốc (mở nước). Ngôi chùa được xây dựng từ thời Tiền Lý với tên là chùa Khai Quốc. Thời Lê trung hưng, do sạt lở nên người ta đã cho dời ngôi chùa từ bên bờ sông Hồng vào phía trong đê Yên Phụ, khu gò đất Kim Ngưu. Đến đời vua Lê Huy Tông, chùa mới đổi tên thành chùa Trấn Quốc với ý nghĩa là nơi giúp nhân dân xua tan đi thiên tai, đem lại cuộc sống bình yên cho dân tộc. Chùa là một biểu tượng của văn hoá Phật giáo và cũng là điểm tham quan nổi tiếng của du khách trong và ngoài nước mỗi khi đến Hà Nội hiện nay.  **-** GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 1: Cuộc khởi nghĩa Lý Bí mùa xuân năm 542 so với khởi nghĩa của Hai Bà Trưng có điểm gì giống và khác nhau?  - GV mở rộng kiến thức: Những đóng góp của Lý Bí và “những điều đầu tiên”:  + Người Việt Nam đầu tiên tự xưng là hoàng đế.  + Người Việt Nam đầu tiên quyết định phế bỏ niên hiệu của phong kiến phương Bắc để đặt niên hiệu riêng là Thiên Đức.  + Người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam nhận ra vị trí trung tâm của vùng ngã ba sông Tô Lịch để đóng đô.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **3. Khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân.**  - Diễn biến  + Mùa xuân năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, trong 3 tháng nghĩa quân chiếm được thành Long Biên.  + Mùa xuân năm 544, khởi nghĩa thắng lợi. Lý Bí lên ngôi vua, hiệu là Lý Nam Đế. Ông đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội).  +Năm 545, Nhà Lương cử quân xâm lược Vạn Xuân. Lý Nam Đế trao quyền chỉ huy kháng chiến cho Triệu Quang Phục.  + Triệu Quang Phục đưa quân về đầm Dạ Trạch (Khoái Châu, Hưng Yên), xây đựng căn cử và tiếp tục lãnh đạo nhân dân kháng chiến.  + Năm 550, sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục làm vua nước Vạn Xuân  + Đầu Thế kỉ VII, nhà Tuỳ đem quân xâm lược, nước Vạn Xuân chấm dứt.  - Sự giống và khác nhau giữa cuộc khởi nghĩa Lý Bí và khởi nghĩa Hai Bà Trưng:  + Giống nhau: Cùng nổ ra vào mùa xuân nhằm chống lại chính quyền đô hộ phương Bắc; cùng giành được thắng lợi ban đầu và thành lập được chính quyền tự chủ một thời gian.  + Khác nhau: Hai Bà Trưng mới xưng vương thì Lý Bí đã xưng đế; Hai Bà Trưng mới xây dựng được chính quyền tự chủ sơ khai thì Lý Bí đã xây dựng quốc hiệu riêng với chính quyền có hai ban văn, võ; Hai Bà Trưng đóng đô ở Mê Linh trong khi Lý Bí dựng kinh đô ở vùng cửa sông Tô Lịch; chính quyền tự chủ Hai Bà Trưng chỉ tồn tại được ba năm trong khi chính quyền của nhà nước Vạn Xuân tồn tại lâu hơn. |

**Hoạt động 4: Khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng.**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS nêu được những nét chính về diễn biến hai cuộc khởi nghĩa; rút ra được ý nghĩa của khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng đối với lịch sử dân tộc.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV Cho học sinh đọc thông tin mục 4 trang 79 SGK. Và thực hiện trả lời câu hỏi: Tại sao trong khoảng thế kỉ VIII nhân dân ta liên tiếp nổi dậy đó là những cuộc khởi nghĩa nào?  **-** GV giới thiệu về Mai Thúc Loan: Mai Thúc Loan quê gốc ở làng Mai Phụ (Hà Tĩnh) nhưng lại sinh trưởng ở Nam Đàn, Nghệ An. Lớn lên trong gia đình nghèo khó, Mai Thúc Loan phải làm nghề kiếm củi, đi phu, quanh năm phải phục dịch cho chính quyền đô hộ nhà Đường. Ông có làn da ngăm đen nên sau này người ta còn gọi là Mai Hắc Đế.  C:\Users\admin\Downloads\IMG_20210718_080456.jpg- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 4, quan sát Lược đồ 15.9 SHS trang 79 và trả lời câu hỏi: Trình bày những nét chính của khởi nghĩa Mai Thúc Loan.  - GV mở rộng kiến thức:  + Thành quả của cuộc khởi nghĩa: giành được quyền tự chủ trong 10 năm, xưng đế, xây thành Vạn An làm quốc đô.  + Nằm trong chuỗi các cuộc đấu tranh giành độc lập thời Đường, khiến chính quyền đô hộ nhà Đường suy yếu, cổ vũ cho các cuộc đấu tranh về sau (khởi nghĩa Phùng Hưng, Khúc Thừa Dụ....) tiến tới giành đôc lập.  + Ý nghĩa, sức sống của khởi nghĩa Mai Thúc Loan đối với đời sống văn hoá - nghệ thuật nói riêng và lịch sử dân tộc nói chung. Ví dụ: Năm 2015, vở cải lương Mai Hắc Đế đã được dàn dựng và công chiếu nhằm tái hiện về cuộc đời của Mai Thúc Loan và cuộc khởi nghĩa Hoan Châu với những thông điệp ý nghĩa gắn với chủ quyền dân tộc. Những cuộc hội thảo khoa học cấp quốc gia đã được tổ chức như những thông điệp khẳng định ý nghĩa to lớn của cuộc khởi nghĩa.  **-** GV giới thiệu về nhân vật Phùng Hưng: Phùng Hưng là con nhà hào phú, sức khoẻ phi thường, có thể vật trâu, đánh hổ. Hiện nay, về quê hương của Phùng Hưng ở Đường Lâm vẫn còn có ý kiến chưa thống nhất. Đa số ý kiến vẫn mặc định Đường Lâm thuộc Sơn Tây ngày nay.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin về cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng hãy tóm tắt lại những diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa này.  - GV: Cuộc khởi nghĩa đã giành được quyền tự trị trong vòng 9 năm thì bị đàn áp. Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa tiếp tục khẳng định quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt, mở đường cho những thắng lợi to lớn về sau.  - GV Hai cuộc khởi nghĩa này có ý nghĩa gì với lịch sử dân tộc?  - GV chia HS làm cách nhóm, yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 2: Em hãy so sánh khởi nghĩa của Mai Thúc Loan với các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Lý Bí trước đó về phạm vi, quy mô và thời gian tồn tại.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng.**  - Nguyên nhân: không cam chịu chích sách cai trị hà khắc và thuế khóa nặng nề của nhà Đường nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra tiêu biểu là khởi nghĩa của Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng.  - Những nét chính của khởi nghĩa Mai Thúc Loan:  + Năm 713, nhân dân Hoan Châu vùng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Mai Thúc Loan.  + Mai Thúc Loạn chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn, Nghệ An) để xây thành Vạn An. Ông xưng đế, nhân dân thường gọi là Mai Hắc Đế.  + Từ thành Vạn An, nghĩa quân tiến ra Bắc, đánh chiếm thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay).  + Năm 722, nhà Đường đưa 10 vạn quân sang đàn áp, khởi nghĩa bị dập tắt.  + Khởi nghia Mai Thúc Loạn đã giành và giữ chính quyền độc lập trong gần 10 năm (713 - 722).  - Những diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng:  + Khoảng cuối thế kỉ VIII, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), Phùng Hưng đã hợp quân khởi nghĩa  + Được nhân dân hưởng ứng, Phùng Hưng chiếm được thành Tống Bình, tổ chức việc cai trị.  + Khi Phùng Hưng qua đời, con trai ông là Phùng An lên nối nghiệp cha. Sau đó, nhà Đường đem quân sang đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa.  - Ý nghĩa: Nối tiếp truyền thống đấu tranh của người Việt, cổ vũ tình thần đấu tranh của nhân dân ta...  - So sánh khởi nghĩa của Mai Thúc Loan với các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Lý Bí trước đó:  + Giống nhau: đều là những cuộc khởi nghĩa lớn có quy mô vượt ra phạm vi một địa phương cụ thể, thành lập được chính quyền tự chủ trong một thời gian.  + Khác nhau: Khởi nghĩa Mai Thúc Loan giành chính quyển trong 10 năm, Hai Bà Trưng trong 3 năm, Lý Bí trong 58 năm; phạm vi và quy mô khởi nghĩa Mai Thúc Loan rộng lớn hơn, thu hút cả sự hưởng ứng của nhân dân Chăm-pa và Chân Lạp. |

**3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2 phần Luyện tập SHS trang 80. 81:*

Câu 1: Dựa vào sơ đồ và các thông tin gợi ý.....

Câu 2: Trong các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của người Việt từ đầu công nguyên đến trước thế kỉ X, Em hãy trình bày về nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa cuộc khởi nghĩa mà em nhớ nhất.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 81: Trong vai một ướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu một số di tích liên quan đến các nhân vật lịch sử thời Bắc thuộc như Hai Bà Trưng, Lý Bí, Mại Thúc Loan...*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* HS cần nêu được một số điểm chính về tên di tích các vị anh hùng, những đóng góp chính mà người anh hùng để lại cho lịch sử dân tộc, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. Kế hoạch đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS,  HS đánh giá HS) | - Vấn đáp.  - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành. | - Các loại câu hỏi vấn đáp.  - Phiếu học tập. |  |

**V. Hồ sơ học tập** *(Đính kèm Phiếu học tập số 1, Đính kèm Phiếu học tập số 2 )*

**Phiếu học tập số 1**

|  |
| --- |
| Trường THCS:....  Lớp:......  **PHIẾU HỌC TẬP**  **Nhóm…:**  **Câu hỏi:** Cuộc khởi nghĩa Lý Bí mùa xuân năm 542 so với khởi nghĩa của Hai Bà Trưng có điểm gì giống và khác nhau?  **Trả lời:**  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

**Phiếu học tập số 2**

|  |
| --- |
| Trường THCS:....  Lớp:......  **PHIẾU HỌC TẬP**  **Nhóm…:**  **Câu hỏi:** Em hãy so sánh khởi nghĩa của Mai Thúc Loan với các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và Lý Bí trước đó về phạm vi, quy mô và thời gian tồn tại.  **Trả lời:**  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

*Ngày soạn../…./…*

*Ngày giảng…./…./*

# **BÀI 16: ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ**

# **PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thông qua bài học, HS nắm được:

+ Cuộc đấu tranh chống đồng hoá, tiếp thu văn hoá bên ngoài.

+ Bảo tồn bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam diễn ra suốt thời Bắc thuộc.

**2. Năng lực**

**-** Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực riêng:

+ Giới thiệu được những nét chính những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vai trò của tiếng Việt trong bảo tồn văn hóa việt ở cả quá khứ và hiện tại

**3. Phẩm chất**

+ Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

+ Yêu nước, sẵn sàng góp sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

+ Giáo án, SGV, SHS Lịch sử và Địa lí 6.

+ Hình minh họa về cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc thời kì Bắc thuộc.

+ Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Chuẩn bị của học sinh**

+ Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6.

+ Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn*

- Giáo viên chia lớp thành 4 tổ, và phổ biến cách chơi cho các tổ.

- Cách chơi: Giáo viên đặt câu hỏi: Hãy kể tên các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam mà em biết?

- Học sinh các nhóm làm vào bảng phụ và trình bày.

- Giáo viên nhận xét đánh giá, nhóm nào kể được nhiều hơn thì thắng cuộc.

*- GV đặt vấn đề:*

+ Trong thời kì Bắc thuộc, các chính quyền phong kiến phương Bắc đã thi hành chính sách đồng hoá nhằm thủ tiêu quốc gia, dân tộc Việt, Bằng ý chí của mình Người Việt đã giữ gìn và bảo tồn được những truyền thống tốt đẹp của mình và phát triển những giá trị văn hoá hình thành tư thời dựng nước? Để tìm hiểu về vấn đề này kĩ hơn, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay. Bài 17: Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thời Bắc thuộc.

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 1: Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được chính quyền đô hộ đã thi hành chính sách đồng hoá dân tộc ta bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, nhằm ép buộc người Việt theo lễ nghỉ, phong tục Hán. Tuy nhiên, người Việt luôn có ý thức giữ gìn dòng giống Tiên Rồng và nền văn hóa của cha ông để lại.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: bằng đoạn trích qua bài Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm.  *“Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi*  *Đất nước có trong những cái ngày xửa ngày xưa mẹ thường hay kể.*  *.....*  - GV Hình ảnh đất nước qua đoạn trích của Nguyễn Khoa Điềm có những gì?  - GV Trải qua hàng thế kỉ, những ngôi làng Việt ẩn mình sau luỹ tre là thành trì kiên cố bảo vệ văn hoá truyền thống của người Việt đã hình thành và phát triển từ thời Văn Lang, Âu Lạc.  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 16.1, 16.2. 16.3 Hãy nêu tên một số nét văn hóa của người Việt vẫn được giữ gìn và phát triển thời Bắc thuộc?  C:\Users\admin\Downloads\IMG_20210718_080503.jpg**-**  - GV Việc người Việt vẫn giữ được những phong tục tập quán của mình chứng tỏ điều gì?  ? Hãy kể tên một vài phong tục truyền thống còn tồn tại đến ngày nay mà em biết?  **-** GV mở rộng kiến thức:  + Ăn trầu: là phong tục tương truyền có từ thời Hùng Vương. Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, đến nay phong tục này vẫn được duy trì và bảo tồn. Trong văn hoá giao tiếp truyền thống của người Việt, miếng trầu như một thông điệp về lòng hiếu khách, một “triết lí siêu ngôn ngữ” để diễn tả tình cảm của con người dành cho nhau. Miếng trầu vì vậy đã đi vào tâm thức người dân Việt với ý nghĩa rất quan trọng như “miếng trầu là đầu câu chuyện” hay đi vào ca dao, thơ ca với nhiều tác phẩm nổi tiếng, như bài thơ Mời trầu của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương:  “Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi  Này của Xuân Hương mới quệt rồi  Có phải duyên nhau thì thắm lại  Đừng xanh như lá, bạc như vôï”.  + Xăm mình: là phong tục có từ thời dựng nước. Người Việt cổ sống nhiều trong môi trường sông nước nên tin rằng việc xăm mình sẽ không bị thuỷ quái làm hại. Tục này tồn tại đến đời vua Trần Anh Tông cuối thế kỉ XIII mới bỏ.  + Mặc váy và yếm: là một nét riêng trong trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt. Các chính quyền đô hộ phương Bắc dùng mọi cách bắt người Việt phải theo cách ăn mặc như người Hán nhưng không thành. Người Việt rất tự hào với cái váy mang đậm yếu tố văn hoá bản địa của mình trong so sánh với văn hoá Trung Quốc:  “Cái trống mà thủng hai đầu  Bên ta thời có, bên Tàu thì không”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Giữ gìn văn hóa dân tộc**  - Người Việt giữ được phong tục tập quán của mình  + Sống ở làng quê trong những ngôi nhà giản dị.  + Người Việt vẫn nghe - nói, truyền lại cho con cháu tiếng mẹ đẻ.  + Những tín ngưỡng truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên tiếp tục được duy trì.  + Phong tục, tập quán Việt vẫn được giữ gìn như tục nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, xăm mình, làm bánh chưng, bánh giầy.  - Những phong tục tập quán trên cho thấy chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta thất bại: |

**Hoạt động 2: Phát triển văn hóa dân tộc**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được thời Bắc thuộc, người Việt vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc trên một số lĩnh vực: Phật giáo, đạo giáo, chữ Hán, khoa học kĩ thuật.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Học sinh làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 SHS trang 83 và trả lời câu hỏi: Quan sát các hình từ 16.4 đến 16.9 hãy cho biết việc tiếp thu các yếu tố bên ngoài để phát triển văn hóa dân tộc thể hiện như thế nào?  C:\Users\admin\Downloads\IMG_20210718_080512.jpg  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_13.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_11.png  - GV mở rộng kiến thức:  + Việt Nam tiếp thu Phật giáo từ hai con đường: đầu tiên trực tiếp từ Ấn Độ sang và sau này là từ Trung Quốc sang, nhưng vẫn có điểm sáng tạo riêng. Truyền thuyết chùa Dâu giải thích tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt. Tứ Pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, nghĩa là 4 vị thần: mây, mưa, sấm, chớp. Đó là những vị thần bảo vệ mùa màng và phù hộ cho nông dân.  + Chuông Thanh Mai là chuông đồng cổ nhất Việt Nam do Giáo hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Sách kỉ lục Việt Nam công bố, là bảo vật quốc gia có niên đại sớm nhất (năm 798) được phát hiện ở Việt Nam. Quai đúc nổi đôi rồng, đấu lưng vào nhau, uốn cong một cách khéo léo tạo thành núm treo chuông. Hình rồng không vảy, đầu to, không bờm, miệng ngậm tì xuống đỉnh chuông. Con rồng này có nét tương đồng với hình tượng rồng khắc trên bia đá cổ nhất Việt Nam là bia Trường Xuân (Thanh Hoá), năm 618. Đây cũng là quả chuông đồng đầu tiên có văn tự được tìm thấy cho đến nay, chứa đựng nhiều thông tin quan trọng cho biết hoạt động, ảnh hưởng của Phật giáo và sự giao lưu văn hoá, xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc. Trải qua hàng nghìn năm, chiếc chuông không bị hoen gỉ mà vẫn giữ nguyên được hình dáng, màu sắc ban đầu cho thấy kĩ thuật đúc đồng đỉnh cao của thời kì này.  + Khay gốm (Lạch Trường, Thanh Hoá) được làm bằng chất liệu đất sét mịn màu nâu trắng. Sự giao thoa văn hoá Hán - Việt được thể hiện qua hoa văn trang trí trên khay gốm: ở giữa khay gốm được trang trí hình ảnh ba con cá chụm đầu vào nhau theo điển tích “Tam ngư châu nguyệt” là chủ đề quen thuộc trong nghệ thuật tạo hình Trung Quốc. Viên ngoài khay được trang trí hoa văn đường tròn tiếp tuyến mang đậm dâu ấn văn hoá Đông Sơn càng tạo cho chiếc khay gốm thêm sinh động.  - GV Ngoài một số tiếp thu có sáng tạo và chọn lọc đã tìm hiểu và SHS đã nêu, nhân dân ta còn tiếp thu, sáng tạo một số có nguồn gốc từ Trung Quốc như tết Hàn thực, tết Đoan Ngọ, tết Trung thu,... nhưng đã có sự vận dụng cho phù hợp với sinh hoạt văn hoá của người Việt. Tết Hàn thực sang Việt Nam trở thành tết Bánh trôi, bánh chay, tết Đoan ngọ trở thành ngày tết “giết sâu bọ”, tết Trung thu của người Việt Nam dành cho thiếu nhi trong khi ở Trung Quốc dành cho sum họp gia đình,... Đó là nét khác biệt thể hiện sự tiếp thu và Việt hoá văn hoá Trung Quốc của người Việt.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Phát triển văn hóa dân tộc**  - Nhân dân ta đã vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc trong hơn ngàn năm Bắc thuộc:  + Tiếp thụ một số kĩ thuật tiến bộ của Trung Quốc như đúc đổng, dệt lụa, làm giấy...  + Chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng tiếng Việt, dùng âm Việt để đọc chữ Hán  + Phật giáo, đạo giáo nho giáo du nhập vào nước ta hòa quyện với tín ngưỡng dân gian. |

**3. Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết .

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, phần Luyện tập SHS trang 84:*

Câu 1: Những thành quả trong cuộc đấu tranh bảo vệ và phát triển văn hóa truyền thống của người Việt thời bắc thuộc có ý nghĩa gì?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời*: giữ gìn được bản sắc dân tộc, làm thất bại âm mưu đồng hóa của chế độ đô hộ phương Bắc.

Câu 2: Những phong tục, tập quán nào được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Những phong tục, tập quán được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay: thờ cúng tổ tiên, nhuộm răng, ăn trầu, ăn mắm, làm bánh chưng bánh giày.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**4. Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Vận dụng SHS trang 84:* Những phong tục, tập quán nào được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Những phong tục, tập quán được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay: thờ cúng tổ tiên, nhuộm răng, ăn trầu, ăn mắm, làm bánh chưng bánh giày.

Theo em, tiếng nói có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng nhiều học sinh “pha” tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

+ Tiếng nói, chữ viết tiếng Việt có nguồn gốc bản địa, được cha ông ta sáng tạo, gìn giữ, cải tiến trong hành trình tạo dựng cuộc sống, phát triển cộng đồng xã hội. Trải qua các triều đại lịch sử, qua những giai đoạn phát triển, tiếng Việt đã trở thành hồn cốt của dân tộc, có sức sống lâu bền trong tâm hồn, lối sống, tư duy của con người Việt Nam.

+ Không đồng tình với hiện tượng các bạn trẻ lạm dụng việc sử dụng tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp. Tuy việc sử dụng tiếng lóng cũng có tác dụng nhất định đối với giới trẻ như: khả năng truyền đạt thông tin nhanh, tiết kiệm thời gian (chủ yếu dùng ký hiệu, viết tắt), có những yếu tố sáng tạo…làm cho hoạt động giao tiếp cũng phong phú hơn nhưng việc lạm dụng sử dụng quá đà sẽ đánh mất đi bản sắc dân tộc, mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**IV. Kế hoạch đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS,  HS đánh giá HS) | - Vấn đáp.  - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành. | - Các loại câu hỏi vấn đáp. |  |

**--------------------------------------**

**Bài 17**

**BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X**

**I. MỤC TIÊU**(Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Trình bày được những nét chính về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương

- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền

- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938

***2.Về năng lực:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác thông qua hoạt động nhóm, đóng vai…

- Sưu tầ, tìm hiểu kiến thức, nguồn tư liệu các nhân vật lịch sử: Khúc Thừa Dụ; Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền

- Lập được và giải thích được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến giành và bảo vệ nền độc lập, tự chủ đầu thế kỉ X

***3.Về phẩm chất:***

- Cảm phục, tự hào và noi gương lòng yêu nước của các thế hệ trước

- Có ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tạo tình huống học tập, kết nối kiến thức HS đã có với kiến thức bài mới, tạo hứng thú cho HS  **b) Nội dung**:  Cho HS chơi trò chơi ôn tập 1 số địa danh, nhân vật lịch sử, ý nghĩa của 1 số cuộc khởi nghĩa trước thế kỉ X  **GV** dẫn dắt vấn đề: rất nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân nổ ra trước thế kỉ X nhưng đều có kết quả chung là thất bại  **c) Sản phẩm:** HS kể tên các địa danh, nhân vật…và đưa ra nhận xét **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Quan sát tranh và cho biết đó là địa danh/ nhân vật nào?  ? Những cuộc khởi nghĩa nổ ra trước thế kỉ X đều có kết cục ra sao?  ? Dù có kết cục như vậy nhưng việc nhiều cuộc khởi nghĩa diễn ra liên tiếp thể hiện tinh thần gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài cá nhân lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - HS báo cáo, còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  HS đọc thông tin trong sgk  GV Nhận xét chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  => Giải thích rõ tên bài : Bước ngoặt lịch sử vì sự kiện này là có tầm vóc, ý nghĩa mang tính bước ngoặt, bản lề của các sự kiện đầu thế kỉ X, biến khát khao thiêng liêng đó của dân tộc trở thành hiện thực  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **Họ Khúc giành nền tự chủ** | | |
| **a) Mục tiêu**: Những nét chính về các cuộc vận động tự chủ của nhân dân VN dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV cho HS hoạt động 4 nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa và trả lời  ? Em biết gì về việc nhà Đường bổ nhiệm chức quan Tiết độ xứ  ? Tình hình nhà Đường cuối thế kỉ IX  ? Thông tin về Khúc Thừa Dụ  ? Ông đã giành quyền tự chủ ntn?  Cho biết: tình hình nhà Đường cuối thế kỉ X.  GV giải thích từ : Tiết độ xứ -> Chức quan võ cai quản quân sự của 1 vùng, (có thể cha truyền con nối)  GV cung cấp thông tin: Trong thời Bắc Thuộc, nhà Đường đã bổ nhiệm chức Tiết độ xứ tại Việt Nam nhưng chỉ bổ nhiệm cho người Trung Quốc.  ? Việc nhà Đường công nhận Tiết độ xứ cho Khúc Thừa Dụ thể hiện điều gì? Việc này có ý nghĩa như thế nào với nhân dân ta lúc bấy giờ  - Tuy là 1 chức quan của TQ nhưng Người Việt đã được nắm chính quyền trên đất Việt, buộc nhà Đường công nhận chính quyền tự chủ của người Việt  GV mở rộng: Ngoài nguyên nhân nhà Đường suy yếu thì các cuộc khởi nghĩa của người Việt trong thế kỉ VIII đã góp phần cổ vũ và thúc đẩy tinh thần tự chủ của người Việt  ? Sau khi Khúc Thừa Dụ mất, Khúc Hạo đã làm gì?  HS đọc ngữ liệu sgk để trả lời  ? Mục đích của những cải cách của Khúc Hạo là gì?  ?Những việc làm của 2 cha con họ Khúc có ý nghĩa ntn?  GV cho HS quan sát hình ảnh lễ hội ở đến thờ họ Khúc ở Hải Dương.  C:\Users\Admin\Pictures\tải xuống (6).jpg | | a.Khúc Thừa Dụ gây dựng nền tự chủ  -905:Nhân cơ hội rối ren, Khúc Thừa Dụ đã tập hợp nhân dân, chiếm thành, tự xưng là Tiết độ xứ  -906: Nhà Đường buộc phải công nhận điều này  b. Khúc Hạo củng cố nền tự chủ  -Sau khi cha mất, Khúc Hạo lên nối nghiệp và tiến hành nhiều chính sách tiến bộ |
|  | | |
| **2. Dương Đình Nghệ khôi phục nền tự chủ** | | |
| **a)Mục tiêu**: Trình bày được nét chính về cuộc vận động giành chính quyền tự chủ của nhân dân VN dưới sự lãnh đạo của họ Dương  **b) Nội dung**:  - GV cho HS quan sát lược đồ, đọc thông tin và trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| ?Năm 930**.** Quân Nam Hán đã có hành động gì ?  GV cung cấp thêm thông tin về Dương Đình Nghệ: Vốn là một hào trưởng ở Châu Ái, giàu có, nhiều thế lực, lại có lòng yêu nước thương dân nên đã ngưỡng mộ sự nghiệp giành quyền tự chủ của Họ Khúc và Họ Khúc cũng phải dựa vào thế lực của Dương Đình Nghệ để quản lý thâu suốt Ái Châu. Từ đó ông trở thành bộ tướng của Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ.  HS quan sát lược ồ hình 17.2  ? Dương Đình Nghệ đã khôi phục và giành quyền tự chủ ntn  GV cho HS hoạt động nhóm,  để trình bày diễn biên cuộc khởi nghĩa  Diễn biến  -Dưới sự tập hợp của DĐN, hào kiệt khắp nơi kéo về làng Giàng ( Thanh Hóa) tụ tập  - Từ đây DĐN kéo quân chiếm thành Tống Bình  - Quân Nam Hán cử quân tiếp viện nhưng lại bị DĐN chặn đánh  Kết quả:  - Quân Nam Hán phải rút chạy => Cuộc kháng chiến thắng lợi. DĐN tự xưng Tiết độ xứ, khôi phục nền tự chủ  GV lưu ý về ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  -Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | -931. Dương Đình Nghệ kéo quân tiến đánh, làm chủ thành Đại La, giành thắng lợi và khôi phục nền tự chủ | |
| **3.Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng** | | |
| **a)Mục tiêu**: Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền; nêu được ý nghĩa lịch sử của trận chiến  **b) Nội dung**:  - GV cho HS tìm hiểu về nhân vật Ngô quyền, kế hoạch của ông…cách đánh  HS làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Y/c** HS đọc thông tin, quan sát tranh ảnh để trả lời  -Tình hình nước ta thời gian này có biến động gì  Bên trong: Dương Đình Nghệ bị giết  - Bên ngoài: Quân Nam Hán vượt biển xâm lược nước ta  ? Dưới tình hình đó, Ngô Quyền đã làm gì?  Chia nhóm bàn và giao nhiệm vụ trả lời câu hỏi  C:\Users\Admin\Pictures\tải xuống (8).jpg   * Em biết gì về nhân vật Ngô Quyền? * Ông đánh giá và nhận định về điểm mạnh, điểm yếu của địch như thế nào? * Thông tin về sông Bạch Đằng   Quan sát lược đồ và cho biết  C:\Users\Admin\Pictures\tải xuống (7).jpg   * Tóm tắt diễn biến trận Bạch Đằng * Nét độc đáo trong nghệ thuật đánh giặc của NQ thể hiện qua những điểm nào * Ý nghĩa lịch sử của trận BĐ * Đánh giá công lao của NQ với lịch sử dân tộc.   C:\Users\Admin\Pictures\220px-Bãi_cọc_cửa_sông_Bạch_Đằng.jpg  ? Kết quả và ý nghĩa của trận Bạch Đằng 938  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs suy nghĩ, thảo luận nhóm để trình bày các ý kiến  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập& sản phẩm học tập của HS.  Liên hệ :  C:\Users\Admin\Pictures\tải xuống (9).jpg  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | | -Ngô Quyền chủ động lên kế hoạch đánh giặc ở vùng cửa biển Bạch Đằng  Nét độc đáo trong nghệ thuật đánh giặc của NQ:  -Xây dựng bãi cọc ngầm  -Lợi dụng thủy triều để giành thắng lợi |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổchứcthựchiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS: Giới thiệu 1 nhân vật lịch sử có liên quan đến điểm di tích lịch sử mà em ấn tượng

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Bài làm của HS

**d) Tổ chức thựchiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Tra cứu thông tin hiện nay có những con đường, trường học, di tích…mang tên các anh hùng trong thời kì Bắc thuộc ở nơi em sống.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

BÀI 18. VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA D:\NĂM HỌC 2021-2022\TỔNG HỢP\tải xuống.jpg



**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẤU**

*Sau bài học này, giúp HS:*

**1**. **Về kiến thức**

+ Lịch sử hình thành và phát triển của vương quốc cổ Cham Pa

+ Những nét đặc sắc về kinh tế, xã hội của cư dân Cham Pa

+ Một số thành tựu văn hóa Cham pa

**2. Về năng lực**

**\*Năng lực riêng/ đặc thù**

- Năng lực tìm hiểu lịch sử:

+ Biết cách khai thác sử dụng các tư liệu để tiếp nhận kiến thức

+ Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa.

- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử

+ Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.

+ Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

+ Lý giải được yếu tố nào của văn hóa Cham Pa góp phần tạo nên sự phong phú của văn hóa Việt Nam

+ Những thành tựu văn hóa tiêu biểu nào của vương quốc Champa vẫn được bảo tồn đến ngày nay

**\* Năng lực chung:** giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

**3. Về phẩm chất:**

+ Có ý thức trách nhiệm giữ gìn và phát huy những tinh hoa văm hóa chămpa

+ Giáo dục tinh thần tương thân tương ái giữa các cộng đồng người có chung số phận lịch sử và chung lãnh thổ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

**b) Nội dung**:

**GV:** Yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh, và trả lời câu hỏi: Em biết gì về mảnh đất, con người gắn với những hình ảnh đó?

**HS** quan sát hình ảnh, làm việc để trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:**- HS bước đầu phát hiện được đây là hình ảnh gắn liền với nước Cham-pa trong lịch sử của dân tộc ta.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

****

? Quan sát hình ảnh,em biết gì về mảnh đất, con người gắn với những hình ảnh đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo, kết quả**

**GV** yêu cầu HS trả lời.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Mục 1. Sự thành lập và quá trình phát triển.**

**a) Mục tiêu**: Lịch sử hình thành và phát triển của vương quốc cổ Cham- Pa

**b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Quan sát vào lược đồ Vương quốc Chăm-pa 18.1, và thông tin trong SGK làm việc cặp đôi và cho biết:  ? Điều kiện tự nhiên nơi đây?  ? Chủ nhân đầu tiên của vùng đất này?  ? Tượng Lâm là tên địa danh nằm ở đâu? Vì sao nhân dân Tượng Lâm nổi dậy khởi nghĩa?  ? Tóm tắt quá trình phát triển của Vương quốc Chăm-pa.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** hướng dẫn HS làm việc theo cặp đôi trả lời  **HS:** Quan sát, phân tích lược đồ và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS:**- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | + Năm 192, nhân dân huyện Tượng Lâm (quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập, lập nước Lâm Ấp (sau gọi là Chăm-pa).  + Trong các thế kỉ III – X, nhà nước Lâm Ấp tiếp tục mở rộng lãnh thổ về phía Nam, kéo dài đến Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay. Trong quá trình đó, khoảng thế kỉ VII, tên gọi Lâm Ấp được đổi thành Chăm - Pa.  + Từ sau thế kỉ X, Chăm - Pa tiếp tục phát triển và từng bước được sáp nhập, trở thành một bộ phận của đất nước Việt Nam. |

**Mục 2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Cham-pa.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  Dựa trên những hiểu biết về điều kiện tự nhiên, quan sát hình và nội dung thông tin trong SGK:  ? Khái quát nét chính trong hoạt động kinh tế của người Cham-pa.  ? So sánh hoạt động kinh tế của cư dân Cham-pa với hoạt động kinh tế của cư dân Văn Lang- Âu Lạc.  ? Bộ máy nhà nước Cham-pa được tổ chức ntn?  ? Trong xã hội gồm có mấy tầng lớp? Kể tên các tầng lớp đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. | - Nét chính về kinh tế của nhà nước Chăm - Pa:  + Sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước là hoạt động kinh tế chủ yếu.  + Các nghề gốm, đóng thuyền, khai thác lâm sản, đánh bắt cá… rất phát triển.  + Với vị trí thuận lợi, trong nhiều thế kỉ, vương quốc Chăm - Pa trở thành cầu nối trao đổi, buôn bán thường xuyên với thương nhân các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Ả-rập.  - Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước Chăm - Pa:  D:\NĂM HỌC 2021-2022\GIÁO ÁN DỰ ÁN\cau-hoi-2-trang-92-lich-su-lop-6-canh-dieu.png  - Xã hội gồm nhiều tầng lớp: Tăng lữ- Quý tộc- Nông dân-Dân tự do- Bộ phận nhỏ là nô lệ. |

**Mục 3. Một số thành tựu văn hoá.**

**a. Mục tiêu:** HS ghi nhớ được các thành tựu cơ bản của văn hoá Chăm-pa; giới thiệu được một thành tựu (do HS lựa chọn).

**b. Nội dung:** - GV sử dụng kĩ thuật KWLH để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** trả lời được các câu hỏi của giáo viên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ: Chủ đề là: **Thành tựu văn hoá tiêu biểu của người Cham-pa.**  ? Các nhóm lần lượt hoàn thiện nội dung bảng thông tin sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **K** | **W** | **L** | **H** | |  |  |  |  |   GV hướng dẫn, định hướng học sinh hoàn thiện nội dung yêu cầu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | **- Chữ viết**  + Sáng tạo ra chữ viết riêng trên cơ sở chữ Phạn (chữ Chăm cổ, thế kỉ IV).  **- Tín ngưỡng, tôn giáo:**           + Thờ tín ngưỡng đa thần.           + Du nhập các tôn giáo từ bên ngoài (Phật giáo, Hin-đu giáo...).  **- Kiến trúc, điêu khắc:** xây dựng nhiều đền, tháp thờ thần, Phật như: Thánh địa Mỹ Sơn; Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam)...  **- Lễ hội:** nhiều lễ hội được tổ chức trong năm. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

Câu 1: Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự thành lập, quá trình phát triển, phạm vi lãnh thổ, hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của Vương quốc Chăm - Pa.

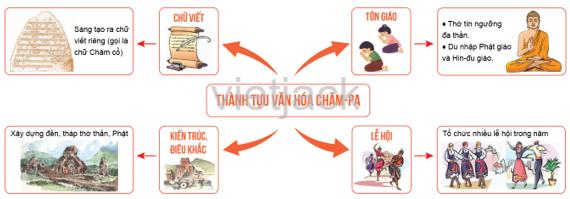
Câu 2: Vẽ sơ đồ tư duy về những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Chăm - Pa.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

Câu 1:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung chính** |
| Sự thành lập | - Thời kì Bắc thuộc, nhà Hán đã thiết lập sách thống trị đối với vùng đất phía Nam dãy Hoành Sơn của nước ta, đặt tên là quận Nhật Nam.  - Năm 192, dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, người dân Tượng Lâm (huyện xa nhất của quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ sách cai trị ngoại bang, lập ra nhà nước Lâm Ấp. |
| Quá trình phát triển | - Trong các thế kỉ III – X, nhà nước Lâm Ấp tiếp tục mở rộng lãnh thổ về phía Nam, kéo dài đến Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay. Trong quá trình đó, khoảng thế kỉ VII, tên gọi Lâm Ấp được đổi thành Chăm - Pa.  - Từ sau thế kỉ X, Chăm - Pa tiếp tục phát triển và từng bước được sáp nhập, trở thành một bộ phận của đất nước Việt Nam. |
| Phạm vi lãnh thổ | - Vùng duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam hiện nay (từ Quảng Nam cho tới Bình Thuận). |
| Hoạt động kinh tế | - Sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước là hoạt động kinh tế chủ yếu.  - Các nghề gốm, đóng thuyền, khai thác lâm sản, đánh bắt cá… rất phát triển.  - Hoạt động trao đổi, buôn bán với thương nhân các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Ả-rập diễn ra sôi nổi. |
| Tổ chức xã hội | - Xã hội có sự phân chia giàu, nghèo với các tầng lớp chính: tăng lữ, quý tộc, dân tự do và nô lệ. |

Câu 2:



**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Câu 1: Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự thành lập, quá trình phát triển, phạm vi lãnh thổ, hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của Vương quốc Chăm - Pa.

Câu 2: Vẽ sơ đồ tư duy về những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Chăm - Pa.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** Trong vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về một trong những thành tựu văn hóa của Chăm-pa (như: đền, tháp, phù điêu, vũ điệu…)

**c) Sản phẩm:** Giới thiệu hình tượng Vũ nữ Áp-sa-ra trên các bức phù điêu của người Chăm-pa

- Một trong những kiệt tác điêu khắc mà người Champa sáng tạo ra là hình tượng vũ nữ Apsara ở các bức phù điêu, tượng bằng sa thạch. Hình tượng vũ nữ Apsara hiện diện ở hầu khắp các di tích Champa như: khu di tích Mỹ Sơn, Đồng Dương, Trà Kiệu thuộc tỉnh Quảng Nam.

- Apsara của người Champa được thể hiện trên các khối đá sa thạch với:

+ Khuôn mặt đầy đặn, toát lên vẻ đẹp dịu dàng, thuần khiết với hàng lông mày hơi cong, sống mũi cao, đôi mắt hình hạnh nhân.

+ Đầu đội mũ Mrần kiểu Kirata - Mukata có nhiều tầng.

+ Để làm đẹp và tô điểm thêm sự duyên dáng của các vũ nữ, nghệ nhân Champa đã khắc đôi bông tai bằng những tua sợi rất tinh tế và hài hòa.

+ Ngoài ra, với đôi môi mỏng đang mỉm cười đã làm cho vũ nữ tăng thêm phần sinh động.

+ Hầu hết tượng Vũ nữ Apsara luôn ở trong tư thế khỏa thân nửa phần trên của cơ thể, để lộ ra bộ ngực căng đầy sức sống.

+ Eo lưng thon thả cùng với bắp tay, bắp đùi tròn và cả thân mình bắt nhịp như rung bật theo từng động tác múa điệu nghệ khoe diễn những đường cong kiều diễm.

+ Trên cổ, tay, và vòng eo được trang trí những chuỗi hạt ngọc chạm khắc tinh xảo.



- Có thể thấy, bàn tay tài hoa của các nghệ nhân Chăm-pa đã khắc họa hình tượng Vũ nữ Áp-sa-ra rất tươi đẹp và sống động.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Trong vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về một trong những thành tựu văn hóa của Chăm-pa (như: đền, tháp, phù điêu, vũ điệu…)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Bài 19**

**VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM**

(… tiết)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Sự thành lập, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam.

- Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của Phù Nam.

- Một số thành tựu văn hóa của Phù Nam.

***2. Về năng lực:***

- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.

- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.

- Nhận biết được một số thành tựu văn hóa của Phù Nam.

***3. Về phẩm chất:***

- Bồi dưỡng tinh thần yêu quê hương, đất nước, quý trọng những giá trị văn hóa của Vương quốc Phù Nam còn để lại trong lịch sử.

- Nhận thức về chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ của đất nước Việt Nam hiện nay có nguồn gốc lâu đời, bản địa từ xa xưa.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.  **HS** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:** - HS chỉ ra được trình độ kĩ thuật, thẩm mĩ của chủ nhân Vương quốc Phù Nam.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu hình ảnh về hiện vật của nền văn hóa Óc Eo và đặt câu hỏi:  A picture containing porcelain  Description automatically generated  ? Cách đây hơn 2000 năm, ở vùng châu thổ sông Cửu Long nước ta đã xuất hiện một nền văn hóa rất đặc sắc – văn hóa Óc Eo. Trên cơ sở đó, một vương quốc cổ đã được hình thành với tên gọi Phù Nam. Hình trên là những hiện vật liên quan đến Vương quốc Phù Nam. Theo em, những hiện vật này chứng tỏ điều gì về chủ nhân của vương quốc cổ này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Sự thành lập, phát triển và suy vong** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS mô tả được sự thành lập, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam.  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Đọc thông tin trong mục 1 SGK, kết hợp với quan sát lược đồ hình 10.2 (trang 50), em hãy xác định phạm vi lãnh thổ của Vương quốc Phù Nam từ thế kỉ III đến thế kỉ V.  Map  Description automatically generated  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi và xác định phạm vi lãnh thổ trên lược đồ.  - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh hoạ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - Vào khoảng thế kỉ I, Vương quốc cổ Phù Nam được thành lập, có phạm vi lãnh thổ chủ yếu thuộc Nam Bộ (Việt Nam ngày nay).  - Từ thế kỉ III đến thế kỉ V, Phù Nam trở thành một trong những đế chế mạnh nhất trong khu vực Đông Nam Á.  - Bước vào thế kỉ VI, Phù Nam dần suy yếu.  - Đến khoảng đầu thế kỉ VII, Phù Nam bị Chân Lạp - một vương quốc của người Khơ-me thôn tính. |
|  | |
| **2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS trình bày được nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  1. Đọc thông tin mục 2 trong SGK và kết hợp quan sát các hình 19.1, 19.2, hãy nêu các hoạt động kinh tế và vẽ sơ đồ tổ chức xã hội của Phù Nam.  Graphical user interface, website  Description automatically generated with medium confidence  2. Hình 19.2 gợi cho em suy nghĩ gì về sự phát triển của kinh tế Phù Nam?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. | **a) Hoạt động kinh tế**  - Cư dân Phù Nam lấy sản xuất nông nghiệp làm chính, kết hợp với đánh bắt thủy - hải sản, chế tác kim hoàn, sản xuất thủ công và trao đổi, buôn bán.  - Đặc biệt, ngoại thương đường biển của Phù Nam rất phát triển.  **b) Tổ chức xã hội**  - Tổ chức nhà nước còn tương đối lỏng lẻo.  - Đứng đầu nhà nước là vua, nắm mọi quyền hành, giúp việc là các tăng lữ, quý tộc. Dưới vua là các thủ lĩnh quân sự hay thủ lĩnh địa phương chịu sự chi phối quyền lực của Phù Nam.  - Xã hội Phù Nam bao gồm các lực lượng chính như tăng lữ, quý tộc, nông dân, thương nhân, thợ thủ công. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Một số thành tựu văn hóa** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên sâu (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4…  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1, 2**: Tìm hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo.  **Nhóm 3, 4**: Tìm hiểu về điêu khắc.  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới… & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Nhận xét về thành tựu văn hóa của Phù Nam.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập. | **a) Tín ngưỡng, tôn giáo**  - Cư dân Phù Nam có tín ngưỡng thờ đa thần.  - Họ sớm tiếp nhận cá tôn giáo từ bên ngoài như Hin-đu giáo, Phật giáo.  **b) Điêu khắc**  Nghệ thuật điêu khắc tượng, thần từ đá, gỗ của Phù Nam rất phát triển với những nét sáng tạo mang phong cách riêng – phong cách Phù Nam. |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

1. Lập bảng tóm tắt những nét chính về sự thành lập, phát triển, suy vong, phạm vi lãnh thổ, hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội của Vương quốc Phù Nam.

2. Vẽ sơ đồ tư duy về những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của bài tập và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu yêu cầu và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài tìm hiểu của HS (HS chỉ ra được vị trí, ý nghĩa lịch sử của sự ra đời và phát triển các quốc gia cổ trên lãnh thổ Việt Nam).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Sự ra đời và phát triển của các quốc gia cổ trên lãnh thổ Việt Nam (nước Văn Lang, nước Âu Lạc, Vương quốc Chăm-pa và Vương quốc Phù Nam) có vị trí, ý nghĩa lịch sử như thế nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của bài tập.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**DANH SÁCH THẦY (CÔ) THAM GIA DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên người soạn** | **KNTT với CS** | **CTST** | **Cánh Diều** |
| 1 | Hoàng Thị Hà | **Bài 1,2,3** | **Bài 1,2** | **Bài 1,2** |
| 2 | Trần Thị Quỳnh Nga | **Bài 4** | **Bài 3** | **Bài 3** |
|  | Bùi Thị Thu | **Bài 5** | **Bài 4** | **Bài 4** |
| 3 | Phạm Thị Ngân | **Bài 6** | **Bài 5** | **Bài 5** |
| 4 | Nguyễn Thị Lan | **Bài 7** | **Bài 6,7** | **Bài 6** |
| 5 | Đỗ Thị Thu Trang | **Bài 8** | **Bài 8** | **Bài 7** |
| 6 | Lê Thị Thu Huyền | **Bài 9** | **Bài 9** | **Bài 8** |
| 7 | Phan Thị Hoa Lý | **Bài 10** | **Bài 10, 11** | **Bài 9** |
| 8 | Nguyễn Thị Hiền | **Bài 11,12,13** | **Bài 12,13** | **B10, 11** |
| 9 | Lê Thị Thanh Thuỷ |
| 10 | Bùi Thị Thu Huyền | **Bài 14** | **Bài 14, 15** | **Bài 12, 13** |
| 11 | Cô Hiền – cô Lan | **Bài 15** | **Bài 16** | **Bài 14** |
| 12 | Trương Văn Trung | **Bài 16,17** | **Bài 17,18** | **Bài 15,16** |
| 13 | Nguyễn Thị Thanh Hải | **Bài 18** | **Bài 19** | **Bài 17** |
| 14 | Vũ Văn Thạo | **Bài 19** | **Bài 20** | **Bài 18** |
| 15 | Trần Thị Nhẫn | **Bài 20** | **Bài 21** | **Bài 19** |